

**CÁC BÀI HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
DÀNH CHO ĐOÀN VIÊN**

CHỈ ĐẠO:

Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

CHỈ ĐẠO BIÊN TẬP VÀ CHỦ BIÊN:

TS. Nguyễn Ngọc Lương

Bí thư BCH Trung ương Đoàn

BAN BIÊN SOẠN:

- GS. TS. Trần Văn Phòng
- PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà
- PGS.TS. Phạm Đức Kiên
- PGS. TS. Trịnh Thị Xuyên
- TS. Lê Văn Cầu
- Ths. Vũ Tiến Tiệp
- Ths. Nguyễn Quốc Huy
- Ths. Đỗ Công Tuấn
- Ths. Hoàng Đức Nam

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

CÁC BÀI HỌC
LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
DÀNH CHO
ĐOÀN VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI MỞ ĐẦU

Nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục chính trị cho đoàn viên theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI, Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành 4 bài học lý luận chính trị thay cho 6 bài học lý luận chính trị được ban hành năm 2013. Nội dung các bài học lý luận chính trị được biên soạn theo hướng ngắn gọn, súc tích, các thông tin ở mức phổ thông, căn bản, đi thẳng vào bản chất vấn đề, phù hợp và cập nhật được những thành quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn về lý luận chính trị mới nhất hiện nay, cập nhật những quan điểm, chủ trương mới của Đảng, của Đoàn và tình hình thực tiễn, xu hướng biến đổi của đoàn viên.

Cuốn sách “Các bài học lý luận chính trị dành cho đoàn viên” bao gồm 4 nội dung chính: 1- Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; 2- Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức, lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; 3- Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay; 4- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Ban biên soạn tài liệu đã cố gắng cập nhật thông tin, tư liệu có liên quan để hoàn thiện nội dung từng bài học. Tuy nhiên, cuốn sách này không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp, bổ sung của các đồng chí cán bộ đoàn, đoàn viên và bạn đọc để hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn và giới thiệu cùng bạn đọc.

BAN BIÊN SOẠN

BÀI I



CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Trang bị cho đoàn viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, mang bản chất khoa học, cách mạng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tiễn Việt Nam.

2. Nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; vận dụng những kiến thức được học để tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

3. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác; nắm vững và vận dụng sáng tạo, đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển bức thiết của cách mạng Việt Nam và phù hợp với quy luật phát triển của thời đại trong tình hình mới.

B. NỘI DUNG CƠ BẢN

I. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học và cách mạng trong thời đại ngày nay

1.1. Sự ra đời, phát triển và các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

1.1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, khi mà chủ nghĩa tư bản ở châu Âu đang trên đà phát triển mạnh mẽ đã tạo ra những điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội thuận lợi cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Đặc biệt, sự xuất hiện giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử và cuộc đấu tranh mạnh mẽ của giai cấp này là một trong những điều kiện chính trị - xã hội quan trọng nhất cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Trong thời kỳ này, nhiều phát minh khoa học mang tính vạch thời đại xuất hiện. Những phát minh khoa học này không chỉ làm bộc lộ rõ tính hạn chế của phương pháp tư duy siêu hình mà còn tạo ra cơ sở khoa học để khắc phục phương pháp tư duy siêu hình này. Đồng thời, chúng cũng cung cấp những cơ sở khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác ra đời còn là kết quả của sự kế thừa có chọn lọc, tiếp thu có phê phán toàn bộ những tinh hoa trong lịch sử tư tưởng của nhân loại từ cổ đại đến thời đại của C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895), nhưng trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính

trị cô điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác còn là kết quả của các yếu tố chủ quan của C.Mác và Ph.Ăngghen, như: tình yêu thương những người lao động, tinh thần hy sinh không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng họ, niềm tin sâu sắc vào lý tưởng cách mạng của giai cấp công nhân, cùng sự thông minh...

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác được V.I.Lênin bổ sung, phát triển trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, khoa học về thế giới vi mô phát triển và chủ nghĩa xã hội hiện thực được xây dựng ở nước Nga Xô viết, mở ra giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học và cách mạng, bởi nó phản ánh đúng quy luật khách quan vận động của lịch sử và đấu tranh xóa bỏ mọi hình thức nô dịch người, xây dựng một xã hội mà ở đó không còn người bóc lột người, người đàn áp người, người nô dịch người và sự tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người.

1.1.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học gồm ba bộ phận thống nhất hữu cơ không thể tách rời nhau:

- Triết học Mác - Lênin là khoa học về những quy luật phổ biến chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; trang bị cho con người thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp biện chứng duy vật đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (tức là nghiên cứu quan hệ sản xuất) và trong trao đổi, tiêu dùng; nghiên

cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với quy luật giá trị thặng dư, chỉ rõ bản chất, những quy luật kinh tế chủ yếu của sự hình thành, phát triển và đưa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tới chỗ diệt vong; chỉ ra những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất mới, con đường xây dựng một xã hội không có áp bức bất công, vì tự do, ấm no, hạnh phúc cho mọi người - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng xây dựng xã hội mới; chứng minh rằng, chủ nghĩa tư bản càng phát triển càng tạo ra những tiền đề vật chất đầy đủ cho sự ra đời xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Lực lượng xã hội thực hiện sự chuyển biến đó chính là giai cấp vô sản và nhân dân lao động; chỉ ra sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân là lật đổ chủ nghĩa tư bản xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa - không còn người áp bức người, không còn người nô dịch người; nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa như vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

1.1.3. Sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong các giai đoạn lịch sử

Thời kỳ trước “đổi mới, cải cách, cải tổ”

Các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội, đứng đầu là các nhà lý luận Xô Viết đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên tất cả ba bộ phận

triết học; kinh tế - chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Họ đã cụ thể hóa và làm giàu thêm những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin bằng thực tiễn đấu tranh giải phóng giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở một loạt nước xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, họ cũng đã kiên quyết đấu tranh bác bỏ những sự xuyên tạc, vu khống ác ý đối với chủ nghĩa Mác - Lênin. Tuy nhiên, sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin ở các nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Liên Xô nói riêng trước đổi mới, cải cách, cải tổ ít nhiều đã bị giáo điều. Chính vì vậy, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực trước đổi mới, cải cách, cải tổ có những biểu hiện giáo điều, xơ cứng, bảo thủ, chậm đổi mới.

Thời kỳ “đổi mới, cải cách, mở cửa”

Trong thời kỳ đổi mới, cải cách, mở cửa, Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Trung Quốc, cùng một số Đảng Cộng sản khác đã vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn mỗi nước. Trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam với 8 đặc trưng, trong đó đặc trưng “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” vừa là đặc trưng thứ nhất vừa là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Trung Quốc đã xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục được xây dựng ở Cu Ba, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào... Vì vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn tồn tại và phát triển, vẫn là thế giới quan, phương pháp luận khoa học của hàng triệu triệu con người tiên bộ trên trái đất.

1.2. Những nội dung chủ yếu thể hiện bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin

1.2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học thống nhất của ba bộ phận cấu thành không thể tách rời là Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Triết học Mác - Lênin chỉ ra rằng, lực lượng sản xuất theo quy luật khách quan tự thân luôn vận động phát triển và đến một giai đoạn nhất định sẽ mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất hiện có, mâu thuẫn này được giải quyết sẽ làm cho phương thức sản xuất mới ra đời, kéo theo nó là một xã hội mới, một hình thái kinh tế - xã hội mới được ra đời từ trong lòng xã hội cũ, hình thái kinh tế - xã hội cũ. Quá trình này diễn ra một cách lịch sử - tự nhiên. Từ trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ hình thành những điều kiện, tiền đề vật chất cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Học thuyết giá trị thặng dư của Kinh tế chính trị học Mác - Lênin chỉ rõ sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là mục đích và quy luật vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn với tính chất tư bản tư nhân chủ nghĩa của sự chiếm hữu tư liệu sản xuất là nguyên nhân của mọi mâu thuẫn trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này biểu hiện về mặt xã hội thành mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân - giai cấp tiên bộ, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ với giai cấp tư sản - giai cấp đại diện cho giai cấp bảo thủ, phản tiến bộ. Mâu thuẫn này chỉ được giải quyết thông qua cách mạng xã hội do giai cấp công nhân thực hiện. Giai cấp công nhân có

vai trò lôi cuốn các tầng lớp lao động khác vào cuộc đấu tranh đập tan xã hội cũ, xây dựng xã hội mới không còn người bóc lột người mà Chủ nghĩa xã hội khoa học đã phân tích chỉ ra.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học là còn bởi lẽ, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã kế thừa toàn bộ tinh hoa trong lịch sử tư duy của nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin còn có căn cứ cơ sở, tiền đề khoa học; có giai cấp vô sản và thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp này và các phương pháp khoa học, khách quan trong nhận thức tự nhiên, xã hội và tư duy của con người.

1.2.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan khoa học và phương pháp luận mácxít

Trước khi chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời, thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng khoa học luôn tách rời nhau. Trong lịch sử tư tưởng của nhân loại cũng có một số nhà tư tưởng có sự thống nhất giữa thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng khoa học. Tuy nhiên, sự thống nhất này còn ở trình độ thấp. Hơn nữa, cả thế giới quan khoa học, cả phương pháp luận biện chứng khoa học đều còn ở trình độ thô sơ.

Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật thống nhất hữu cơ với phép biện chứng. Đồng thời, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng đều được C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển lên một trình độ mới về chất hơn hẳn so với trước đó. Do đó, sự thống nhất thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng khoa học mácxít là một đặc trưng không thể thiếu của chủ nghĩa Mác - Lênin.

1.2.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người với việc xác định rõ con đường, lực lượng, phương thức để đạt mục tiêu đó

Chủ nghĩa Mác - Lênin xuất phát từ con người hiện thực và cũng nhằm mục đích giải phóng con người. Chủ nghĩa Mác - Lênin không có mục tiêu nào khác là giải phóng con người khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột. Nhưng để giải phóng con người, trước hết phải giải phóng giai cấp công nhân rồi tiến tới giải phóng nhân loại, giải phóng xã hội. Con đường giải phóng này là con đường đấu tranh cách mạng đập tan nhà nước tư sản bóc lột, xây dựng một nhà nước mới - nhà nước xã hội chủ nghĩa và sau này là cộng sản chủ nghĩa - mà ở đó không còn bất kỳ sự nô dịch, áp bức, bóc lột con người nào. Muốn vậy, giai cấp công nhân phải đoàn kết, tập hợp giai cấp nông dân và những người lao động khác dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản để thực hiện cuộc đấu tranh cách mạng này.

Thực tiễn lịch sử phát triển của nhân loại đã chứng tỏ ý nghĩa nhân văn to lớn của mục tiêu giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cả về phương diện lý luận, cả về phương diện thực tiễn đều chứng tỏ, chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa nhân đạo nhất.

1.2.4. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, không ngừng được đổi mới, được phát triển trong dòng trí tuệ của nhân loại

Về bản chất, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết phát triển, là hệ thống mở, luôn được bổ sung, phát triển. Ngay từ năm 1887, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Lý luận của chúng tôi không phải là một giáo điều, mà là sự giải thích

quá trình phát triển, quá trình này bao hàm trong bản thân nó một loạt những giai đoạn kế tiếp nhau”¹. V.I.Lênin sau này cũng đã không ít lần nhắc lại lời Ph.Ăngghen và khẳng định lại luận điểm kinh điển ấy của chủ nghĩa Mác².

C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin không bao giờ tự coi lý luận của các ông là “bất khả xâm phạm”, là hệ thống khép kín, là chân lý tuyệt đích cuối cùng. Trái lại, các ông luôn đòi hỏi những người cộng sản phải biết vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, truyền thống văn hóa...của mỗi nước. Sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện, hoàn cảnh của cách mạng Việt Nam bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như các Đảng cộng sản và phong trào công nhân quốc tế cũng cho thấy bản chất vốn có của chủ nghĩa Mác - Lênin là sáng tạo và phát triển. Chính nhờ có sáng tạo mà chủ nghĩa Mác - Lênin được phát triển, chính phát triển lại là điều kiện cho những người mác-xít vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh - hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam

2.1. Khái niệm và nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

¹ C. Mác - Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập, tập 36*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.785.

² Xem: V.I. Lênin (1980), *Toàn tập, tập 20*, Nxb Tiến bộ, Matxcova, tr. 99, 103... và tập 4, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1974, tr.258.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX chỉ rõ “ Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của Nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; về quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân...”³.

Đến Đại hội XI, Đảng ta khẳng định “ Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và của dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta giành thắng lợi”⁴.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.83-84.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.88.

Nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một hệ thống quan điểm, tư tưởng bao gồm những nội dung cốt lõi:

Thứ nhất, về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người. *Thứ hai*, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. *Thứ ba*, về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. *Thứ tư*, về sức mạnh của nhân dân, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *Thứ năm*, về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. *Thứ sáu*, về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. *Thứ bảy*, về xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. *Thứ tám*, về đạo đức cách mạng. *Thứ chín*, về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. *Thứ mười*, về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đảng ta coi tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta giành thắng lợi.

2.1.2. Nguồn gốc hình thành

Thứ nhất, tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất của khoa học và cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin ở nhiều vấn đề lý luận quan trọng, nhất là lý luận về giai cấp - dân tộc và lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hồ Chí Minh là một trong những người con ưu tú của dân tộc. Người đã kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong đó giá trị tiêu biểu là chủ nghĩa yêu nước; ý chí tự lực, tự cường; tinh thần nhân nghĩa; truyền thống đoàn kết tương thân tương ái, truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo...

Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Đông, nhất là những tư tưởng tiến bộ trong Nho giáo, Phật giáo và tư tưởng tiến bộ của Tôn Trung Sơn. Ở đó, Người tìm thấy những yếu tố phù hợp với điều kiện của cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái và cách mạng phương Tây. Từ đó, Người hướng cách mạng Việt Nam theo những giá trị của nền văn hóa ấy.

Thứ tư, tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là người có tâm hồn của một người yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu thương Nhân dân vô hạn, một nhân cách lớn. Hồ Chí Minh cũng là người có tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, không ngừng học tập để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, kinh nghiệm đấu tranh của các phong trào giải phóng dân tộc.

Nhân cách, phẩm chất, tài năng và trí tuệ của Hồ Chí Minh đã giúp Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu được các giá trị văn hóa nhân loại và vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam, là tiền đề cho những thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

2.2. Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người

Hồ Chí Minh cho rằng, con đường của cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người. Trong đó, giải phóng dân tộc để dân tộc ta thoát khỏi cảnh lầm than, nô lệ, áp bức, nô dịch bởi thực dân, đế quốc; giải phóng giai cấp để xóa bỏ áp bức giai cấp, bóc lột giai cấp, đem lại hạnh phúc cho Nhân dân. Giải phóng xã hội để thực hiện công bằng xã hội. Giải phóng con người để mỗi người ai cũng có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, được phát triển toàn diện. Tư tưởng xuyên suốt của Hồ Chủ tịch là dân tộc thì độc lập, dân quyền thì tự do, dân sinh thì hạnh phúc. Chính vì vậy, với Người không có gì quý hơn độc lập, tự do. Nhưng giành được độc lập, tự do rồi mà dân vẫn đói, vẫn rét thì độc lập, tự do cũng vô nghĩa.

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người gắn bó chặt chẽ với nhau. Bởi lẽ, giải phóng dân tộc tạo tiền đề, điều kiện để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người. Tuy nhiên, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội và con người sẽ củng cố, khẳng định, bảo vệ giải phóng dân tộc. Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, các nước thuộc địa và phụ thuộc phải tiến hành chủ động, sáng tạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Trong các cuộc cách mạng giải phóng ấy thì giải phóng con người là mục tiêu cao nhất của cách mạng, thúc đẩy cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc mới vững bền. Nói khác đi, chỉ có lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa mới là con đường bảo vệ và phát triển vững chắc nhất thành quả của độc lập dân tộc, mới bảo đảm cho Nhân dân thực sự được hạnh phúc, đồng bào ta thực sự được ấm no. Tất nhiên, độc lập dân tộc cũng là điều kiện, tiền đề, cơ sở để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh chỉ rõ phát triển lên chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển đúng đắn và hợp quy luật khách quan của Việt Nam. Điều này có các luận cứ:

Thứ nhất, đây là quy luật phát triển khách quan của lịch sử không ai có thể ngăn cản được. Người khẳng định: “Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa... Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”⁵.

Thứ hai, Hồ Chí Minh không nói nhiều về khái niệm chủ nghĩa xã hội, nhưng chủ nghĩa xã hội mà Người hiểu là mô hình xã hội duy nhất thực hiện được ham muốn của Người là dân tộc được độc lập, Nhân dân được hạnh phúc, đồng bào được tự do, ấm no, hạnh phúc. Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh chính là “làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân có học hành”⁶.

⁵ Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập, tập 9*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.282.

⁶ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.152.

“Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho Nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ”⁷. “Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân và do Nhân dân tự xây dựng lấy”⁸.

Có thể nói, chủ nghĩa xã hội theo Hồ Chí Minh là làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người ai cũng có việc làm, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành; các dân tộc trong nước đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Chủ nghĩa xã hội có quan hệ hòa bình, hữu nghị với tất cả các nước, các dân tộc. Rõ ràng, chủ nghĩa xã hội như vậy sẽ không chỉ bảo vệ vững chắc thành quả của độc lập dân tộc mà còn làm cho Nhân dân được hạnh phúc, đồng bào được ấm no, tạo điều kiện phát triển mới cho dân tộc, cho mọi người dân. Do vậy, mà Hồ Chí Minh đã gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội và đây là một giá trị bền vững trong tư tưởng của Người.

2.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Sức mạnh dân tộc theo Hồ Chí Minh, đó là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do, ý thức tự lực, tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết. Sức mạnh của thời đại được Hồ Chí Minh đúc kết từ chính thực tiễn hoạt động cách mạng của Người. Trải qua nhiều nước trên thế giới, Người hiểu rằng, “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống

⁷ Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập, tập 10*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.591.

⁸ Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập, tập 10*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.556.

người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”⁹. Hơn nữa, các nước đế quốc đã không đơn độc trong hành động áp bức, bóc lột ở các nước thuộc địa, chúng còn tuyển những người lính ở các nước thuộc địa sang đàn áp ở chính quốc. Chính vì thế, Nhân dân và các nước thuộc địa bị áp bức cần đoàn kết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung.

Hồ Chí Minh cho rằng sức mạnh thời đại bao gồm sức mạnh của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc; phong trào cách mạng của công nhân và Nhân dân lao động các nước chính quốc và tư bản chủ nghĩa nói chung; phong trào xã hội chủ nghĩa; phong trào vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; phong trào cách mạng của Nhân dân Đông Dương... Biết tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế là yếu tố quan trọng góp phần vào thành công của cách mạng. Đồng thời, Việt Nam luôn gắn kết cuộc đấu tranh của mình với phong trào giải phóng dân tộc, với Nhân dân các nước mới giành độc lập hoặc đang đấu tranh vì nền độc lập, tự do.

Chính vì vậy, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng; là xây dựng được khối liên minh đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp vô sản và Nhân dân thuộc địa với giai cấp vô sản và Nhân dân lao động ở các nước chính quốc; là phát huy sức mạnh của các dòng thác cách mạng trên thế giới phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

2.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh của nhân dân, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.287.

Hồ chí Minh có quan điểm đúng đắn về quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân là những người lao động, “Lực lượng dân chúng nhiều vô cùng... dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”¹⁰. Quần chúng nhân dân có vai trò hết sức to lớn đối với sự nghiệp cách mạng. Chính quần chúng nhân dân là chủ thể của lịch sử, chủ thể của mọi sáng tạo, chủ thể của mọi phong trào cách mạng. Trong một quốc gia, quần chúng nhân dân là gốc của nước. Với Hồ Chí Minh “nước lấy dân làm gốc”¹¹, cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân và Người khẳng định:

“Gốc có vững cây mới bền

Xây lâu thắng lợi trên nền Nhân dân”¹².

Với Hồ Chí Minh, quần chúng nhân dân còn là người quyết định lịch sử. Người thường hay trích dẫn câu ca của người dân vùng Quảng Bình, Vĩnh Linh “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong” để nói lên vai trò to lớn của quần chúng nhân dân. Vai trò của Nhân dân còn được Người khẳng định rõ: “Ở đâu có dân là có núi, có sông, có biển. Dân có sức mạnh hơn cả sông núi. Nếu ta biết dựa vào dân thì sẽ thành công”¹³.

¹⁰ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.295.

¹¹ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.409.

¹² Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.410.

¹³ Chuyện kể về Bác Hồ, Nxb Nghệ An, 1977, tr.79.

Hồ Chí Minh khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài, là vấn đề sống còn, quyết định thành công của cách mạng. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng nhằm hình thành và phát triển sức mạnh to lớn của toàn dân trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc, của nhân dân. Theo Người, đoàn kết làm nên sức mạnh và là cội nguồn của mọi thành công.

Trong quan điểm của Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc được xác định là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả các lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách đến hoạt động thực tiễn.

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân. Vì, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, không phải là việc một hai người có thể làm được. Đại đoàn kết toàn dân có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Nguyên tắc cơ bản để xây dựng khối đại đoàn kết là bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

2.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ có nghĩa “dân là chủ”. Người nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do Nhân dân làm chủ”, “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là Nhân dân là người chủ”, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Theo Người:

“Nước ta là nước dân chủ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”

... Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹⁴. Hồ Chí Minh coi dân chủ thể hiện ở việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Dân chủ không dừng lại với tư cách như là một thiết chế xã hội của một quốc gia, mà còn có ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên tắc ứng xử trong các quan hệ quốc tế. Vì vậy, Người yêu cầu phải thực hiện được một nền dân chủ chân chính. Không cho phép ai lợi dụng và lạm quyền “dân chủ” để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và Nhân dân.

Nội dung quan trọng của Nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh là khẳng định cội nguồn quyền lực nhà nước ta là ở Nhân dân. “Nhà nước của ta là nhà nước dân chủ của Nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”¹⁵. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta và bản chất này được thể hiện ở chỗ: *trước hết*, nhà nước ấy do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. *Hai là*, nhà nước này bảo vệ, chăm lo lợi ích cho nhân dân lao động. *Ba là*, nhà nước này có nhiệm vụ điều hành, “phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”¹⁶. *Bốn là*, nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của nhà nước này là nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là Nhà nước thực hiện quyền lực của

¹⁴ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.698.

¹⁵ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 9*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.586.

¹⁶ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.588.

Nhân dân, dựa vào sức mạnh của Nhân dân, trước hết là Nhân dân lao động.

Nhà nước của dân là: tất cả quyền bính đều thuộc về Nhân dân, những vấn đề quan hệ đến vận mệnh quốc gia do Nhân dân phán quyết; tức là Nhân dân phải là người thực hiện quyền lực, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua các đại biểu của mình “Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên”.

Nhà nước do dân vì “lực lượng bao nhiêu là nhờ dân hết”. Nhà nước muốn điều hành quản lý xã hội có hiệu quả thì phải dựa vào dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “dân như nước mình như cá”; phải “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân... Chính phủ chỉ giúp kế hoạch cổ động”. Vì vậy, Đảng ta luôn chủ trương dựa vào dân, tạo điều kiện để nhân dân phát huy cao nhất quyền làm chủ, tham gia tích cực vào việc quản lý nhà nước.

Nhà nước vì dân nghĩa là mọi hoạt động của Nhà nước đều phải xuất phát và vì lợi ích của Nhân dân; việc gì có lợi cho dân thì phải làm cho kỳ được; việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh.

2.2.6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Hồ Chí Minh sớm nhận ra rằng, muốn giải phóng dân tộc thì phải có lực lượng quân sự và lực lượng này phải có tổ chức, phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng¹⁷. Xây dựng lực lượng vũ trang phải nắm vững quan điểm: sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; bạo lực vũ trang khởi

¹⁷ Xem: Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.370.

nghĩa chủ yếu cũng là bạo lực của quần chúng; chiến tranh nhân dân; quốc phòng toàn dân; an ninh nhân dân. Lực lượng vũ trang cách mạng từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân mà chiến đấu và phục vụ, được Nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở. Người luôn căn dặn các cán bộ, chiến sỹ quân đội nhân dân “Mình đánh giặc là vì dân. Nhưng mình không phải là “cứu tinh” của Nhân dân. Tất cả quân nhân phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Phải làm thế nào để khi mình chưa đến, thì dân trông mong, khi mình đến thì dân giúp đỡ, khi mình đi nơi khác thì dân luyến tiếc. Muốn vậy, bộ đội phải giúp đỡ dân, thương yêu dân. Mỗi quân nhân phải là một cán bộ tuyên truyền bằng việc làm của quân đội... Dân như nước, quân như cá. Phải làm cho dân hết sức giúp đỡ mình thì mình mới đánh thắng giặc”¹⁸.

Để xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng cần kết hợp giáo dục quân sự với chính trị. Bởi lẽ, “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại”¹⁹. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng phải toàn diện về các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và quân sự. Hồ Chí Minh có quan điểm rất đúng về quan hệ giữa con người và vũ khí, theo Người “con người là quyết định, vũ khí là quan trọng”, “người trước, súng sau”.

Đồng thời, Người đề ra tư tưởng tổ chức lực lượng vũ trang ba thứ quân - bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Đó là cách tổ chức độc đáo, hiệu quả trong tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh. Phương châm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Hồ Chí Minh là tự lực cánh sinh.

¹⁸ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 6*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.207.

¹⁹ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 6*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.318.

2.2.7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

Hồ Chí Minh luôn luôn đặt những vấn đề kinh tế trong mối quan hệ chặt chẽ với những vấn đề chính trị - xã hội: “Chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”²⁰. Do vậy, ngay sau khi giành chính quyền về tay nhân dân, Người đã kêu gọi nhân dân cả nước tích cực tăng gia sản xuất, quyết tâm diệt giặc đói và chỉ rõ trách nhiệm “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi”. Với một nước nông nghiệp, Người đưa ra cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp; xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu đảm bảo an ninh lương thực để công nghiệp hoá và là hậu phương vững chắc cho sự nghiệp cách mạng. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Hồ Chí Minh là người sớm đưa ra chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến công tác nghiên cứu và phổ biến khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất. Người coi trọng vấn đề quản lý, hạch toán kinh tế, cho đó là chìa khoá phát triển kinh tế quốc dân. Người đề xuất chính sách mở cửa và hợp tác với các nước để thu hút ngoại lực và phát huy nội lực. Người cũng đã bước đầu đề cập đến vấn đề khoán trong sản xuất.

Hồ Chí Minh đã đưa ra một định nghĩa về văn hoá với nghĩa rộng: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát triển ra những ngôn

²⁰ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.56, 152.

ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương tiện sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”²¹. Theo Hồ Chí Minh, văn hoá có nhiệm vụ chủ yếu là bồi dưỡng con người có tư tưởng đúng và tình cảm cao đẹp; nâng cao dân trí, nghĩa là đề cập tới chức năng giáo dục của văn hoá; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, luôn hướng con người tới chân, thiện, mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân. Hồ Chí Minh xác định rõ văn hoá là động lực, là mục tiêu của sự nghiệp các mạng. Văn hoá là một mặt trận, nghệ sĩ là người chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng. Văn hoá phải phục vụ quần chúng nhân dân, đó là quan điểm xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá. Hồ Chí Minh rất chú ý đến xây dựng đời sống văn hoá và nếp sống văn hoá.

Hồ Chí Minh yêu cầu “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân”²². Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nghĩa là phải nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng, độc lập dân tộc, kiên trì phấn đấu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc, ý thức tự lực tự cường, không có gì quý hơn độc lập tự do của nhân dân. Phải thực hiện công bằng xã hội. Phải phát triển dân trí, coi giáo dục là quốc sách.

²¹ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 3*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.431.

²² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 15*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.622.

2.2.8. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

Đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên theo Hồ Chí Minh có tầm quan trọng đặc biệt - là gốc, là nền tảng cách mạng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”²³.

Về bản chất, đạo đức cách mạng “không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”²⁴. Đạo đức cách mạng là đạo đức mới, trong đạo đức này có sự thống nhất lợi ích của Đảng với lợi ích của dân tộc và lợi ích của nhân loại tiến bộ. Đạo đức cách mạng không đối lập với đạo đức chân chính của dân tộc và đạo đức của nhân loại tiến bộ. Nó chỉ đối lập, xa lạ với đạo đức cũ, đạo đức thủ cựu của giai cấp bóc lột, thống trị. “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”²⁵.

2.2.9. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

²³ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.252-253.

²⁴ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.252.

²⁵ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 6*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.320-321.

Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của thế hệ trẻ - những người mang trong mình bầu nhiệt huyết, sức sống tràn trề, năng lực sáng tạo... đối với sự trường tồn của đất nước. Theo Người, “Một năm khởi đầu từ mùa Xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”, vận mệnh của quốc gia, dân tộc thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên. “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do thanh niên”²⁶. Vì vậy, xuyên suốt, nhất quán trong tư tưởng và hành động, Hồ Chí Minh luôn kêu gọi, đánh thức, giác ngộ và cổ vũ họ tham gia cách mạng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, sẵn sàng giao nhiệm vụ và tạo điều kiện để họ được học tập, lao động, cống hiến...

Để hoàn thành sứ mệnh đó, thế hệ trẻ luôn phải tự giác rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải tích cực làm việc để chuẩn bị cho tương lai. Đó là, phải ra sức học tập, trau dồi tri thức, đặc biệt là rèn luyện đạo đức cách mạng. Thế hệ trẻ phải xung phong trong công tác, đi trước, làm trước, phải có tinh thần sẵn sàng dấn thân “đâu Đảng cần thì thanh niên có, việc gì khó thì thanh niên làm. Việc giáo dục thanh niên không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh của xã hội, nhằm giúp họ tránh những cái độc hại, tiêu cực và tiếp thu, học hỏi những cái hay, tiên bộ trong cuộc sống. Nói về những yêu cầu đạo đức cách mạng của thanh niên, của thế hệ trẻ, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư, tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao

²⁶ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.185.

động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt uỷ mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang”²⁷. Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức đó cũng là biểu hiện khác của cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư - những phẩm chất đạo đức chân chính trong mỗi con người.

Hồ Chí Minh cho rằng cần phải tin tưởng ở thế hệ trẻ, phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong xây dựng và kiến thiết đất nước. Muốn phát huy được thế hệ trẻ phải thực sự hiểu thế hệ trẻ; phải quan tâm tới những nguyện vọng, những lợi ích chính đáng của thế hệ trẻ; xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh; nâng cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ.

2.2.10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Đảng Cộng sản Việt Nam theo Hồ Chí Minh là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Nhưng Đảng không phải là “quan nhân dân”, mà là “công bộc”, “đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”. Hồ Chí Minh viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch. Phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”²⁸. Theo Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

²⁷ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 7*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.454.

²⁸ Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập, tập 12*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.510.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân, Đảng của Nhân dân lao động và của dân tộc.

Đảng chân chính cách mạng phải là Đảng tiên phong về lý luận, khoa học, lại còn phải tiêu biểu cho đạo đức cách mạng trong sáng, chí công vô tư, toàn tâm toàn ý vì Nhân dân và dân tộc.

- Nội dung công tác xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh:

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức nhằm xây dựng đường lối chính trị, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng tổ chức đoàn kết, thống nhất chặt chẽ.

Xây dựng Đảng về đạo đức để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Đảng hoạt động trên nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tự phê bình và phê bình; kỷ luật nghiêm minh, tự giác; đoàn kết thống nhất trong Đảng.

3. Giá trị, ý nghĩa thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở vạch ra được các quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người giúp chúng ta lựa chọn đúng đắn con đường phát triển của dân tộc - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, chủ nghĩa Mác - Lênin đã giải thích được quy luật phát triển của xã hội loài

người một cách khoa học, khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng minh một cách khoa học rằng, từ trong lòng của chủ nghĩa tư bản sẽ ra đời phương thức sản xuất mới, một xã hội mới, một hình thái kinh tế - xã hội mới là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Quá trình này diễn ra một cách lịch sử - tự nhiên. Do vậy, sự ra đời cũng như diệt vong của chủ nghĩa tư bản là một tất yếu khách quan như nhau và đều do tất yếu kinh tế quy định. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho Đảng ta, dân tộc ta: “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” - là sự lựa chọn đúng đắn con đường phát triển của Việt Nam. Bởi lẽ, độc lập dân tộc là cơ sở, điều kiện, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho độc lập dân tộc thực sự trọn vẹn, bền vững.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với việc nhận thức chủ nghĩa tư bản hiện đại. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật chỉ ra rằng, chủ nghĩa tư bản nhất định bị thay thế bởi chủ nghĩa xã hội. Chính chủ nghĩa tư bản tạo ra những điều kiện, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội ra đời. Mặc dù hiện nay, chủ nghĩa tư bản đã đạt được những thành tựu nhất định về một số lĩnh vực: kinh tế, khoa học, công nghệ... Nhưng chính chủ nghĩa tư bản cũng là kẻ đã gây ra không ít tai họa cho con người như chiến tranh, nghèo đói, bất công xã hội, sự nô dịch áp bức... Những mục tiêu phục vụ con người, về hình thức và so với trước đây, có vẻ được quan tâm, nhưng thực chất ngày càng bị xa rời. Tiền lương thực tế của phần lớn công nhân Mỹ hầu như không tăng trong nhiều thập kỷ²⁹. Chủ nghĩa tư bản về

²⁹ Xem: Drew Desilver: For most U.S. workers, real wages have barely budged in decades, nguồn: www.pewresearch.org, ngày 7/8/2018. Về bất bình đẳng thu nhập

bản chất không thể giải quyết được vấn đề công bằng xã hội nhất là trong lĩnh vực phân phối nguồn của cải xã hội. Xu hướng giàu nghèo và phân tầng xã hội ngày càng diễn ra trầm trọng. Về bản chất, chủ nghĩa tư bản không tương thích với dân chủ³⁰. Đúng như Đảng ta đã nhận định: “Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không được giải quyết mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra”³¹. Đây là một yếu tố quan trọng góp phần đẩy nhanh chủ nghĩa tư bản đến giới hạn cuối cùng của nó. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng chỉ ra rằng quá trình toàn cầu hóa kinh tế cũng là quá trình làm cho mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa mang tính toàn cầu. Quá trình này nhất định sẽ làm sâu sắc hơn mâu thuẫn cơ bản nội tại của chủ nghĩa tư bản, đẩy nhanh chủ nghĩa tư bản đến giới hạn cuối cùng của nó.

ở Mỹ. Bản tin Những vấn đề lý luận (Phục vụ lãnh đạo). Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 7/2019, tr.62.

³⁰ Xem: Những vấn đề chính trị - xã hội; Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; số 4-5/2005, tr.41. Bản tin Những vấn đề lý luận (Phục vụ lãnh đạo), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 10/2018, tr.29-34, 35-44, 61-62. Thông tin tư liệu chuyên đề: Lý luận và thực tiễn (Lưu hành nội bộ), số 1/2019: Chủ nghĩa tư bản có thực sự hiệu quả? Khai thác và phổ biến tin của Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr.58-76.

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.68.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với việc giải quyết quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho chúng ta phương pháp nhận thức khoa học, đúng đắn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là mang tính phổ biến. Nhưng, mỗi dân tộc, quốc gia căn cứ vào tình hình thực tiễn của dân tộc, quốc gia mình mà lựa chọn hình thức quá độ trực tiếp hay gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội. Đó là tính đặc thù và quan trọng là, không được vận dụng giáo điều những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời phải chống việc tuyệt đối hóa những điều kiện cụ thể của dân tộc, quốc gia và hạ thấp những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, của chủ nghĩa xã hội. Bởi lẽ, khi ấy sẽ rơi vào dân tộc cực đoan, xét lại.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho chúng ta phương pháp nhận thức điều kiện cụ thể để thực hiện công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta có cơ sở lý luận để thực hiện đổi mới kinh tế - xã hội là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên³². Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn cung cấp cho chúng ta cơ sở lý luận để tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây, trên cơ sở đó đưa ra được tám đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội; tám phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội và chín mối

³² Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội, tr.17.

quan hệ lớn cần giải quyết³³. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng cung cấp cho chúng ta phương pháp luận để giải quyết tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển kinh tế thị trường với giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động hội nhập quốc tế... Nói tóm lại, chính chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là thế giới quan, phương pháp luận cho chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới thành công.

Tất cả những điểm trên cho thấy, tại sao Đảng ta lại lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng thế giới quan, kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

II. ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM

1. Đi lên chủ nghĩa xã hội - sự lựa chọn phù hợp với khát vọng của nhân dân, yêu cầu giải phóng dân tộc của Việt Nam và quy luật, xu thế khách quan của lịch sử

1.1. Đi lên chủ nghĩa xã hội đáp ứng khát vọng của Nhân dân và yêu cầu giải phóng dân tộc của Việt Nam

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ khi ra đời cho tới nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, Nhân dân ta; đi lên chủ nghĩa xã hội là đáp ứng khát vọng

³³ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội, tr.80.

của Nhân dân và yêu cầu giải phóng dân tộc. Trong Cương lĩnh đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 03-02-1930) Đảng ta đã chủ trương: tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta một lần nữa khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của Nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”³⁴.

Thực tiễn lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam cho thấy, phong trào Cần Vương - đại diện cho giai cấp phong kiến; phong trào Đông Du - đại diện cho nho sỹ, trí thức; phong trào của Đội Cận - đại diện cho binh sỹ; phong trào của Hoàng Hoa Thám - đại diện cho nông dân Việt Nam; phong trào của Nguyễn Thái Học - đại diện cho tầng lớp doanh nhân, tư sản dân tộc đều thất bại. Chỉ đến Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin mới lãnh đạo Nhân dân giải phóng được dân tộc khỏi ách nô dịch, áp bức ngoại xâm đi lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó chứng tỏ chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được dân tộc.

1.2. Đi lên chủ nghĩa xã hội - sự lựa chọn phù hợp với quy luật và xu thế khách quan của lịch sử

Thời đại ngày nay đang có nhiều biến động sâu sắc, song vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa

³⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.70.

xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Tại Đại hội XI, Đảng ta đã khẳng định: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của Nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”³⁵. Do vậy, sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử và phù hợp với xu thế khách quan của lịch sử.

Lịch sử đã cho chúng ta thấy, chế độ chiếm hữu nô lệ đã từng tồn tại đến giữa thế kỷ XIX ở châu Mỹ La tinh nhưng rồi cũng bị thay thế. Chế độ phong kiến cũng tồn tại hơn nghìn năm nhưng rồi cũng bị thay thế bởi chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã trải qua hơn 300 năm thì chưa phải là nhiều so với lịch sử của nhân loại. Hơn nữa, chủ nghĩa tư bản ngày nay đã có những thay đổi so với chính chủ nghĩa tư bản nguyên thủy. Trong lòng của chủ nghĩa tư bản hiện đại đang có những điều kiện, tiền đề cho triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội cụ thể. Đó là chủ nghĩa xã hội giáo điều, cứng nhắc, ít đổi mới.

Sự tồn tại chủ nghĩa xã hội cả với tư cách là một lý tưởng, cả với tư cách là một phong trào hiện thực, cả với tư

³⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.69.

cách là một chế độ chính trị ở Cu Ba, Lào, Trung Quốc, Việt Nam vẫn chứng tỏ lựa chọn con đường chủ nghĩa xã hội là phù hợp xu thế khách quan của lịch sử.

2. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc lựa chọn mô hình chủ nghĩa xã hội mà Nhân dân ta xây dựng trong giai đoạn hiện nay

2.1. Về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, tổng kết hơn 25 năm đổi mới, tại Đại hội lần thứ XI, Đảng ta đã đưa ra một quan niệm mới về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng là xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do Nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với Nhân dân các nước trên thế giới”³⁶.

Tám đặc trưng trên đây đã phản ánh một cách toàn diện, bao quát những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta xây dựng. Trong đó, đặc trưng “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” vừa là đặc

³⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.70.

trung vừa là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Đây là mô hình tổng quát của chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

2.2. Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tổng kết 25 năm đổi mới, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011) đã đưa ra 08 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội:

“Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống Nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”³⁷.

Trong tám phương hướng trên thì hai phương hướng đầu là nhằm xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Phương hướng ba, bốn, năm là nhằm xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Phương hướng sáu là xây dựng và thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phương hướng bảy, tám là xây dựng Đảng và Nhà nước như là những chủ thể lãnh đạo, quản lý sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Các phương hướng này quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau và cùng nhau góp phần thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Những phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam này đã thể hiện việc vận dụng hết sức sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta vào điều kiện đổi mới.

2.3. Về các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Đồng thời với thực hiện 08 phương hướng mà Cương lĩnh 2011 đề ra, Đại hội XI của Đảng yêu cầu giải quyết tốt 08 quan hệ lớn: “quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ

³⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.72.

nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ...”³⁸.

Tổng kết 05 năm thực hiện nghị quyết Đại hội XI, Đại hội XII đề ra nhiệm vụ tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các quan hệ lớn. Đồng thời, Đại hội XII đã hoàn thiện quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành quan hệ “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa” và nêu ra thêm quan hệ thứ chín là quan hệ giữa “Nhà nước và thị trường”. Cụ thể là chín quan hệ sau: “Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”³⁹.

Những thành tựu mà chúng ta đạt được từ việc nhận thức và giải quyết chín mối quan hệ trên không phải biệt lập, mà luôn nằm trong mỗi quan hệ biện chứng giữa chúng. Kết quả giải quyết của mỗi quan hệ này cũng chính là cơ sở, nền tảng, tiền đề cho việc giải quyết có hiệu quả các mối quan hệ khác. Ngược lại, giải quyết tốt các mối quan hệ khác sẽ góp

³⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.72-73.

³⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.80.

phần giải quyết tốt quan hệ này. Tính tổng thể trong việc giải quyết các mối quan hệ đó đã tạo dựng toàn bộ diện mạo những vấn đề lớn cơ bản cần giải quyết trong suốt quá trình đổi mới vì chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Do vậy, chín mối quan hệ lớn mà Đảng nêu ra được nhận thức và giải quyết trong mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa những đặc trưng và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tại sao nói chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học?

2. Đồng chí hãy nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh theo tinh thần Đại hội XI của Đảng?

3. Đồng chí hãy nêu 08 đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam được Đại hội XI của Đảng đề ra?

4. Đồng chí hãy nêu 08 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

5. Đồng chí hãy nêu 09 mối quan hệ lớn cần giải quyết trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay?

6. Từ chuyên đề này, đồng chí tâm đắc nhất nội dung nào và rút ra ý nghĩa gì cho quá trình hoạt động, công tác và rèn luyện, phấn đấu của bản thân hiện nay?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 3*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. C.Mác - Ph.Ăng-ghen (1999), *Toàn tập, tập 36*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (1995, 1996), *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Triết học Mác - Lênin*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

10. Hội đồng Lý luận Trung ương (2002), Thời đại chúng ta và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đổi mới và phát triển. Nxb Giáo dục, H.2003.

12. Chuyện kể về Bác Hồ, Nxb Nghệ An, 1977.

13. Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2005), *Những vấn đề chính trị - xã hội*, Hà Nội, số 4-5/2005.

14. V.I.Lênin (1974), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Tiến bộ, Matxcova.

15. V.I.Lênin (1980), *Toàn tập, tập 20*, Nxb Tiến bộ, Matxcova.

BÀI 2



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NGƯỜI TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Trang bị cho đoàn viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu khách quan; vai trò và những thành tựu lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng; những bài học kinh nghiệm chủ yếu của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

2. củng cố niềm tin sắt son với Đảng, với con đường cách mạng mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và cả dân tộc Việt Nam đã lựa chọn; nâng cao nhận thức, tự hào về truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Từ đó, tích cực rèn luyện, phấn đấu, tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, có động cơ mục đích phấn đấu đúng đắn để trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng.

3. Vận dụng sáng tạo những kiến thức được học vào thực tiễn công tác, tăng cường bảo vệ Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

B. NỘI DUNG CƠ BẢN

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI, CHẤM DỨT SỰ KHỦNG HOẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, MỞ RA SỰ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM

1.1. Sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh phát triển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, đẩy mạnh xâm chiếm các nước thuộc địa. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ra đời. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt.

Trước tình hình đó, phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến Việt Nam. Đặc biệt, thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917) và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III năm 1919) làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới, mở đầu thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, ngày 01-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Năm 1884, triều đình nhà Nguyễn ký với Chính phủ Pháp bản Hiệp ước Pa-tơ-nôt thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Thực dân Pháp xác lập chế độ cai trị và khai thác thuộc địa ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực:

Về chính trị: thực dân Pháp thực thi chính sách “chia để trị”.

Về kinh tế: thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914), lần thứ hai (1919-1929).

Về văn hoá: thi hành triệt để chính sách văn hoá nô dịch, ngăn chặn mọi ảnh hưởng của nền văn hoá tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam.

Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã có những biến chuyển sâu sắc:

Về tính chất xã hội: từ xã hội phong kiến thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Về mâu thuẫn cơ bản trong xã hội: nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Về cơ cấu giai cấp trong xã hội: giai cấp cũ bị phân hoá (địa chủ phong kiến và nông dân); đồng thời, xuất hiện những giai cấp và tầng lớp mới (công nhân, tư sản và tiểu tư sản).

Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra những yêu cầu cơ bản cần phải giải quyết, đó là: đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, tự do cho Nhân dân và xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho Nhân dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước mắt và nổi lên hàng đầu.

Trước yêu cầu của lịch sử, phong trào đấu tranh chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ:

- Phong trào Cần Vương (1885 - 1896): điển hình là các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hung Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)..., với những sĩ phu phong kiến yêu nước như: Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng...

- Khởi nghĩa nông dân Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, là cuộc đấu tranh anh dũng của nông dân Việt Nam kéo dài gần 30 năm (1884 - 1913).

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh.

Phan Bội Châu chủ trương bạo động để giành độc lập dân tộc nhưng dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài (dựa vào Nhật để đánh Pháp), thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến như của Nhật (1905) và sau đó theo chế độ cộng hoà tư sản như ở Trung Quốc (1912).

Phan Chu Trinh chủ trương bất bạo động, tiến hành cải cách văn hóa, mở mang dân trí, làm cho dân giàu, nước mạnh, nhưng lại dựa vào nhà nước “bảo hộ Pháp”.

+ Phong trào Quốc gia cải lương của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên (1919 - 1923).

+ Phong trào Yêu nước dân chủ công khai của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới (1925 - 1926).

+ Phong trào Cách mạng quốc gia tư sản của Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học đứng đầu (1927 - 1930) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 02-1930).

Như vậy, vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào chống thực dân Pháp theo ý thức hệ phong kiến, tư sản của Nhân dân ta diễn ra rất sôi nổi và liên tục, nhưng tất cả đều không thành công. Sự thất bại đó do nguyên nhân các giai cấp lãnh đạo đã lạc hậu, non yếu; không nhận thức đúng yêu cầu khách quan của lịch sử

gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng con người; không tập hợp và tổ chức được đông đảo các giai tầng yêu nước; những hạn chế trong phương pháp đấu tranh... Việt Nam lâm vào khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho các thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

1.2. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong hoàn cảnh Việt Nam đang rơi vào khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, với nhiệt huyết cứu nước, với thiên tài trí tuệ, nhân quan chính trị sắc bén và được kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, ngày 05-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Nguyễn Tất Thành sang Pháp, Mỹ, Anh và nhiều nước thuộc địa của đế quốc, thực dân. Trải qua nhiều nghề lao động khác nhau, Người đã rút ra một kết luận quan trọng: ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo độc ác, ở đâu người lao động cũng bị bóc lột dã man.

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiên bộ ở Pháp lúc đó. Tháng 6-1919, các nước thắng trận họp Hội nghị Hoà bình ở Vécxây (Pháp), Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi tới hội nghị bản yêu sách tám điểm⁴⁰. Những yêu sách của Người không được Hội nghị

⁴⁰ Xem: Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.435-436

đáp ứng. Sự kiện này đã giúp Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ: “Chủ nghĩa Uynxon chỉ là một trò bịp bợm lớn”. Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin đăng trên báo L'Humanite (Nhân đạo), số ra ngày 16 và 17-7-1920. Những luận điểm cách mạng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc mà sau gần mười năm tìm kiếm (1911 - 1920) Nguyễn Ái Quốc mới bắt gặp.

Tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (tháng 12 - 1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản do Lênin thành lập). Đây cũng là sự kiện Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chuyển sang lập trường cộng sản.

Từ đây, Người tiếp tục học tập để bổ sung hoàn thiện tư tưởng cứu nước, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam nhằm chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức, cán bộ cho sự ra đời chính đảng tiên phong ở Việt Nam.

Về tư tưởng: Người tích cực tố cáo, lên án bản chất bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với Nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh Nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng.

Về chính trị: thông qua những tác phẩm lý luận tiêu biểu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức “chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”. Mặt khác, cách mạng giải phóng dân tộc có thể thành công trước cách mạng chính quốc, góp phần thúc đẩy cách mạng chính quốc. Cách mạng muốn giành được thắng lợi thì “trước hết phải có Đảng cách mệnh”.

Về tổ chức: tháng 6-1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập tại Quảng Châu (Trung Quốc), từ đó đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Tháng 3-1929, tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời. Tiếp đó, các tổ chức cộng sản liên tiếp được thành lập: Đông Dương Cộng sản Đảng tại Bắc Kỳ (tháng 6-1929), An Nam Cộng sản Đảng tại Nam Kỳ (tháng 11-1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn tại Trung Kỳ (tháng 01-1930).

Sự ra đời của các tổ chức cộng sản phản ánh sự phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập trong một quốc gia là nguy cơ dẫn đến chia rẽ trong phong trào cách mạng. Yêu cầu bức thiết lúc đó là thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và Nhân dân Việt Nam.

Với sự nhạy bén về chính trị, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày 06-01 đến ngày 07-02-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản họp tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chỉ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, Hội nghị thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ tóm tắt của các hội quần chúng. Trong đó, nội dung của Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt thể hiện rõ đường lối của cách mạng Việt Nam, với chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã phản ánh sự kết hợp giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX; đồng thời, là sản phẩm của sự kết hợp giữa Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó là một mốc lớn, bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

II. QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY

2.1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc

2.1.1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Với đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng đã quy tụ đoàn kết xung quanh mình tất cả các giai cấp và tầng lớp yêu nước không phân biệt dân tộc, tôn giáo xây dựng nên lực lượng cách mạng to lớn và rộng khắp trong cả nước, đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai.

Qua 15 năm (1930 - 1945) lãnh đạo cách mạng, trải qua đấu tranh gian khổ, mặc dù gặp phải những tổn thất hy sinh to lớn nhưng Đảng vẫn giữ vững ý chí chiến đấu, kiên định cách mạng, trung thành với mục tiêu tư tưởng của mình. Đảng đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành ba cao trào cách mạng, đó là:

- Cao trào cách mạng (1930 - 1931) với đỉnh cao Xô viết - Nghệ Tĩnh.

- Cao trào cách mạng dân sinh, dân chủ (1936 - 1939).

- Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945) với đỉnh cao Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trên cơ sở nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế, Đảng đã dự báo đúng thời cơ lịch sử và chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để lãnh đạo Nhân dân tiến hành khởi nghĩa. Với nghệ thuật lãnh đạo và tổ chức khởi nghĩa tài tình, Đảng đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công trọn vẹn. Chỉ trong một thời gian ngắn (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945), Nhân dân Việt Nam đã vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân, lật nhào chế độ phong kiến tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 02-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, đưa dân tộc ta bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

2.1.2. Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt những khó khăn, thách thức nghiêm trọng: nền kinh tế kiệt quệ, ngân sách quốc gia trống rỗng, nạn đói tiếp tục đe dọa; hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại nặng nề; trong khi đó, ngoại xâm và nội phản câu kết với nhau để cùng chống phá chính quyền cách mạng non trẻ. Vận mệnh của Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trước yêu cầu mới của lịch sử, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... Cụ thể là:

- Lãnh đạo xây dựng chế độ dân chủ nhân dân: tiến hành bầu cử Quốc hội khóa I (06-01-1946), thành lập Chính phủ chính thức (02- 3-1946) và thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (09-11-1946).

- Phát động phong trào chống “giặc đói”, “giặc dốt”, xây dựng nền văn hoá mới, xoá bỏ tàn dư văn hoá nô dịch của thực dân.

- Lãnh đạo Nhân dân Nam Bộ tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ thời điểm thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam lần thứ hai (23-9-1945).

- Tiến hành đấu tranh trên mặt trận ngoại giao: trên cơ sở phân tích âm mưu, thủ đoạn của các kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, Đảng đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, tránh tình thế cùng một lúc đương đầu với nhiều kẻ thù. Đó là:

+ Thực hiện sách lược nhân nhượng, hòa hoãn với quân đội Trung Hoa Dân quốc và tay sai của chúng ở miền Bắc để tập trung kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (từ tháng 09-1945 đến tháng 03-1946).

+ Thực hiện sách lược hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp để đẩy nhanh quân đội Trung Hoa Dân quốc về nước, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (từ tháng 3-1946 đến tháng 12-1946).

Với đường lối đúng đắn, sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng đã huy động được sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, củng cố giữ vững chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

2.1.3. Đảng lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Bất chấp nguyện vọng yêu chuộng hòa bình của Nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng, chúng ta càng nhân

nhượng thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa. Ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương công bố Chỉ thị Toàn dân kháng chiến và cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Thực hiện chủ trương kháng chiến của Đảng và đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên với quyết tâm: “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng ta đã tổ chức, lãnh đạo Nhân dân vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến 09 năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Chiến thắng Điện Biên Phủ (từ ngày 13-3-1954 đến ngày 07-5-1954) đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa của thế kỷ XX, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của đế quốc, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ. Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Hồ Chủ tịch viết: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội thế giới”...

Thắng lợi đó đã làm sáng tỏ một chân lý: trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù nhỏ yếu nhưng một khi đoàn kết đứng lên, kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính Đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

2.1.4. Đảng lãnh đạo Nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975)

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm: đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội đối lập nhau. Miền Bắc đã có hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng đang bắt đầu xây dựng một xã hội mới. Miền Nam vẫn còn dưới ách đô hộ, áp bức của chủ nghĩa đế quốc. Con đường phát triển của cách mạng nước ta lúc này được Đảng ta xác định là phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững chắc của cả nước.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Như vậy, đặc điểm lớn nhất, nét độc đáo của cách mạng Việt Nam thời kỳ này là một Đảng thống nhất lãnh đạo Nhân dân cả nước tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược. Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó cách mạng miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Cách mạng miền Nam giữ vị trí quan trọng, tác động trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Hơn 20 năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt từ năm 1965 trở đi miền Bắc phải trực tiếp đương đầu với

cuộc chiến tranh phá hoại rất ác liệt của đế quốc Mỹ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân miền Bắc đã kiên cường trong sản xuất và chiến đấu, giành được những thành tựu to lớn, đồng thời chi viện đắc lực cho miền Nam... Hàng triệu tấn lương thực và vũ khí, trang bị; hàng vạn thanh niên nam nữ hăng hái lên đường vào miền Nam chiến đấu. Miền Bắc đã dốc sức vào chiến tranh cứu nước và giữ nước với toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội.

Đế quốc Mỹ đã dùng mọi thủ đoạn, thử nghiệm mọi chiến lược chiến tranh, sử dụng các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quy mô, tính chất cũng như mức độ ác liệt của cuộc chiến tranh mà Nhân dân ta phải đương đầu chịu đựng chưa từng có trong lịch sử.

Song, Nhân dân miền Nam nói riêng và Nhân dân Việt Nam nói chung đã kiên cường vượt qua gian khổ hy sinh, kiên quyết đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ:

- Chiến lược Chiến tranh điển hình của chủ nghĩa thực dân mới (1954 - 1960).
- Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965).
- Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968).
- Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 - 1975).

Với những thắng lợi đó, miền Nam đã xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”, sát cánh cùng đồng bào miền Bắc đánh bại mọi âm mưu, chiến lược của đế quốc Mỹ,

góp phần trực tiếp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 21 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân cả nước đã chiến đấu kiên cường anh dũng với sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế; bằng cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Nhân dân ta đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của Nhân dân ta trong sự nghiệp đánh Mỹ cứu nước sẽ mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, mở ra thời kỳ mới - thời kỳ độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2.2. Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay

2.2.1. Chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975 - 1986)

Ngay sau khi giải phóng miền Nam, mặc dù Nhân dân đã làm chủ toàn bộ đất nước, nhưng về mặt nhà nước thì vẫn còn hai Chính phủ, hai tổ chức mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở hai miền Nam - Bắc. Đáp ứng nguyện vọng tha thiết của Nhân dân cả nước, đáp ứng quy luật khách quan của

cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam, Đảng đã lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Ngày 25-4-1976, cử tri cả nước bỏ phiếu (bầu Quốc hội chung của cả nước với 492 đại biểu đủ các thành phần (Quốc hội khoá VI). Ngay sau đó, các tổ chức đoàn thể cách mạng cũng nhanh chóng được thống nhất.

Từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước trong giai đoạn mới và đường lối xây dựng kinh tế - xã hội. Đại hội đã bổ sung Điều lệ Đảng và đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân cả nước thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) và tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã chỉ ra chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ bao gồm 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990; đồng thời, chỉ ra những nhiệm vụ bức thiết trước mắt về kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, Nhân dân cả nước đã hăng hái tham gia khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống. Đồng thời, tập trung thực hiện nhiệm vụ quốc

phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự - an toàn xã hội.

Tuy nhiên, những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt được trong hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975 - 1986) còn thấp so với yêu cầu đặt ra và so với tiềm năng của đất nước; nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, phân phối lưu thông rối ren, lạm phát “phi mã”, tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng; niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng giảm sút.

Trước những khó khăn, thách thức đó, các địa phương, cơ sở và các tầng lớp nhân dân đã có những tìm tòi, đổi mới cách nghĩ, cách làm. Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Trung ương Đảng đã có những bước đổi mới từng phần nhằm giải đáp những vấn đề thực tiễn đang đặt ra.

2.2.2. Đường lối đổi mới và quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay

- Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) đã nghiêm khắc kiểm điểm, khẳng định những thành tựu đã đạt được, đồng thời chỉ ra những yếu kém trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, từ đó phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đặc biệt là khuyết điểm chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo phát triển kinh tế. Với tinh thần trách nhiệm vì nước, vì dân, Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và đối ngoại, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, để

nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đại hội chỉ rõ Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đại hội VI của Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, thể hiện bước trưởng thành mới của Đảng, “đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thành công của Đại hội là sức mạnh mới, là cơ sở hết sức quan trọng để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và toàn dân ta”.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường tác động sâu sắc đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta: các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng toàn diện; các thế lực thù địch ra sức chống phá quyết liệt từ nhiều phía nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực; Việt Nam sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI đã có những bước khởi sắc, tuy nhiên chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội...

Đại hội VII của Đảng xác định: “mục tiêu tổng quát của 05 năm tới vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”⁴¹.

⁴¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, tr.60.

Đặc biệt, Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991), Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991-1995. Đại hội đưa ra quan niệm tổng quát về xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phương hướng cơ bản để xây dựng xã hội đó; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go, nhất là sự khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa những năm 1989 - 1991. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (từ ngày 22-6 đến ngày 01-7-1996) đã nhận định: công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Đại hội quyết định chuyển đất nước sang thời kỳ mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: “tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” và đề ra nhiệm vụ kinh tế - xã hội từ năm 1996 đến năm 2000.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và khẳng định, trong 5 năm 1996 - 2000, toàn Đảng,

toàn dân, toàn quân ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội đã khẳng định: thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng và Nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, đề ra mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006) đã bổ sung, phát triển nhiều vấn đề về lý luận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặt ra nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Với chủ đề: “Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, Đại hội X của Đảng đã đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng yêu cầu của đất nước trong xu thế hội nhập thế giới.

- Đại hội XI của Đảng (tháng 01-2011) đã tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2011 theo Nghị quyết Đại hội X. Đặc biệt, một trong những đóng góp quan trọng có ý nghĩa lịch sử của Đại hội XI là đã thông

qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Trên cơ sở kế thừa những nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã có nhiều điểm mới như: bổ sung thành tựu của cách mạng Việt Nam sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung thêm 02 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam đang xây dựng; đồng thời, có sự điều chỉnh trong hầu hết các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa...

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 01-2016) đã tiến hành tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng là quá trình cải biến sâu sắc và toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành và phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng -

an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống Nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh.

Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Đại hội XII cũng cho rằng chúng ta còn nhiều hạn chế, khuyết điểm:

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động.

Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận Nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Bốn nguy cơ được Đảng chỉ ra tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 01-1994) là: tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, “diễn biến hòa bình” và tham ô, tham nhũng vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới nhất, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng để chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Những hạn chế khuyết điểm trên đây đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu, không ngừng khắc phục, tiếp tục đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu

dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập tự do; thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới, đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam”.

Với những thắng lợi đã giành được từ khi Đảng ra đời, Việt Nam từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, chủ quyền đất nước được củng cố vững chắc, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, ngày càng ấm no, hạnh phúc, văn minh; đất nước ta đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, có thể khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

III. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHỦ YẾU CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII của Đảng thông qua (tháng 6-1991) đã nêu lên 05 bài học chủ yếu. Sau 20

năm thực hiện Cương lĩnh 1991, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), thông qua tại Đại hội XI của Đảng (tháng 01-2011) cũng đã nêu bật 05 bài học chủ yếu. Đó là sự tổng kết những bài học của toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

3.1. Năm vừng ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Đây là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta có ý nghĩa như một quy luật phát triển tất yếu của cách mạng và dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Hai vấn đề này có quan hệ hữu cơ với nhau. Năm vừng ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội tạo ra sức mạnh to lớn của dân tộc trong đấu tranh cách mạng, giành thắng lợi.

Ngay từ Cương lĩnh đầu tiên (đầu năm 1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ con đường phát triển của cách mạng là làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập để đi tới xã hội cộng sản. Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được kiên trì thực hiện trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng. Có thời kỳ, độc lập dân tộc đặt lên hàng đầu và trực tiếp, chủ nghĩa xã hội là định hướng đi tới (1930 - 1954); có thời kỳ cả hai mục tiêu chiến lược đó được thực hiện đồng thời, có quan hệ mật thiết và quyết định lẫn nhau (1954 - 1975) và từ sau 1975, nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được nhận thức và thực hiện với những nội dung và thành tựu mới đã khẳng định giá trị khoa học và hiện thực của con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ

Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn - sự lựa chọn dứt khoát từ năm 1930 khi Đảng ra đời.

Trong công cuộc đổi mới từ năm 1986, Đảng đã từ kinh nghiệm trong nước và quốc tế, sớm đề ra những nguyên tắc chỉ đạo quá trình đổi mới. Một trong những nguyên tắc đó là: “đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ và của Đảng ta. Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, là lý tưởng của Đảng và Nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp”.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã không ngừng phát triển. Độc lập dân tộc là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc; là bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của Nhân dân; là bảo vệ công cuộc đổi mới và con đường phát triển độc lập tự chủ của đất nước; là bảo vệ giá trị truyền thống và văn hóa dân tộc; là giữ gìn môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được Đảng và Nhân dân Việt Nam nhận thức ngày càng sáng tỏ hơn cả về mục tiêu, mô hình; nội dung và khả năng bỏ qua chủ nghĩa tư bản để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội và những giải pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Độc lập dân tộc là khát vọng cao cả của toàn dân tộc, mục tiêu chiến lược của Đảng, nhưng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Vì vậy, độc lập phải đi tới chủ nghĩa xã hội để giải phóng triệt

để giai cấp, xã hội và con người, mang lại tự do, hạnh phúc thật sự cho mọi người.

3.2. Sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân

Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn cách mạng nước ta đã khẳng định một chân lý: Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Để phát huy sức mạnh vĩ đại của Nhân dân, sự lãnh đạo và toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; đại biểu trung thành cho lợi ích của Nhân dân.

Trong tác phẩm Đường cách mệnh (1927) lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nêu rõ: “cách mệnh là việc chung của dân chúng chứ không phải việc một hai người”. Cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân xuất phát từ quan niệm đúng đắn đó và đã được chứng minh trong lịch sử. Người nhấn mạnh: “chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”.

Trong thực tế lịch sử, nhờ phát huy được sức mạnh của toàn dân mà có được thắng lợi vẻ vang của Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra thời đại mới trong lịch sử dân tộc, có được thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt chống đế quốc, thực dân, giành độc lập thống nhất hoàn toàn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Bước vào công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt lên hàng đầu bài học: lấy dân làm gốc. Mục tiêu của đổi mới cũng nhằm xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng, hiệu quả cao chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, chính lợi ích, sáng kiến, nguyện vọng của nhân dân là nguồn gốc của đường lối đổi mới. Cũng chính Nhân dân là người tích cực hưởng ứng, thực hiện đường lối đổi mới và mang lại lợi ích cho chính mình. Đảng, Nhà nước đã tổ chức, hướng dẫn, động viên cao độ sức dân để làm lợi cho dân. Sự thống nhất giữa đường lối của Đảng với lợi ích, nguyện vọng của Nhân dân đã thật sự làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 nhấn mạnh: “toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời Nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”.

3.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lịch sử to lớn, lâu dài của dân tộc ta đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng thành công, tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để giành thắng lợi. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc là động lực chủ yếu để đẩy mạnh công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, phấn đấu đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong Cương lĩnh đầu tiên tại Hội nghị thành lập Đảng (đầu năm 1930) Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nêu cao tư tưởng, đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, lực lượng trong xã hội, đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, xoá bỏ mọi thành kiến,

xung đột của các tổ chức cộng sản trước đó. Nhờ đoàn kết mà cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao thử thách khó khăn, có lúc tưởng chừng không vượt nổi để đi đến thắng lợi. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng củng cố đoàn kết toàn Đảng phấn đấu vì nước, vì dân. Đoàn kết toàn Đảng trước hết phải dựa trên nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đoàn kết dựa trên Cương lĩnh, đường lối và Điều lệ Đảng phấn đấu thực hiện mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đoàn kết phải dựa trên những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có lý, có tình và thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng.

Đoàn kết toàn dân và đoàn kết dân tộc phải dựa trên phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ thật sự của Nhân dân. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung...để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội.

3.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại được thể hiện xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam và ở mỗi thời kỳ cách mạng lại có những nội dung cần được nhận thức rõ và nhấn mạnh.

Khi đi tìm con đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ các dân tộc thuộc địa phải dựa vào sức của chính mình để tự giải phóng. Đồng thời, Người cũng ra sức tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè, đồng chí quốc tế. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi là kết quả của ý chí tự lực tự cường của dân tộc Việt Nam quyết đem sức ta mà tự giải phóng cho ta, đồng thời tranh thủ được thời cơ thuận lợi khi chủ nghĩa phát xít đầu hàng đồng minh. Các cuộc kháng chiến oanh liệt chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược thắng lợi là nhờ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời có sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, trong đó cả nhân dân tiến bộ Pháp và Mỹ.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng, Nhà nước bằng hệ thống chính sách, pháp luật đã khơi dậy mạnh mẽ mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước, đất đai và các tài nguyên khác, sức lao động và năng lực sáng tạo của Nhân dân tạo thành nội lực to lớn của đất nước với ý chí vươn lên thoát khỏi đói nghèo, ra khỏi tình trạng nước kém phát triển. Mặt khác, với đường lối chính sách đối ngoại đúng đắn đã tranh thủ có hiệu quả vốn đầu tư của nước ngoài, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế, kết hợp đúng đắn nội lực với ngoại lực.

Trong thời đại ngày nay, dưới tác động của cách mạng khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa, quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng, các yếu tố bên trong và bên ngoài có quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau. Sức mạnh dân tộc, sức mạnh trong nước là sức mạnh tổng hợp của nhiều nguồn lực, trong đó đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển đất nước. Sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc tế trước hết là sức mạnh của quy luật và xu thế phát triển không thể đảo ngược của lịch sử nhân loại; là sức mạnh của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của các thể lực cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

3.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”⁴².

Ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng chỉ có mục tiêu là giải phóng dân tộc, giành độc lập thống nhất hoàn toàn, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang lại cuộc sống tự do, sung sướng hạnh phúc cho Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: ngoài lợi ích của giai cấp, dân tộc và Nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác.

⁴² Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 2*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.267-268.

Để hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó, Đảng phải thật sự là đội tiên phong lãnh đạo, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, thường xuyên tự đổi mới và chỉnh đốn để xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Toàn Đảng và mỗi cán bộ đảng viên phải nâng cao trình độ trí tuệ, tư tưởng và lý luận. “Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra”. Đảng coi trọng xây dựng, phát triển Cương lĩnh, đường lối và chủ trương của Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn của đất nước và lợi ích chính đáng của Nhân dân, xuất phát từ sự vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, khắc phục biểu hiện chủ quan, duy ý chí. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh: “phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự tha hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên”.

Thực tiễn phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Mặt khác, thông qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của nhân dân. Thực tiễn đó khẳng định một chân lý: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi

khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Từ bài học của quá trình cách mạng, sự lãnh đạo của Đảng hiện nay tập trung vào bổ sung, phát triển Cương lĩnh, làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lý luận về Đảng cầm quyền, Nhà nước pháp quyền, về văn hoá và con người, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và về thời đại. Đảng chăm lo xây dựng Đảng về tổ chức, tăng cường kỷ luật Đảng, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng./.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vì sao nói sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

2. Làm rõ những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay?

3. Chứng minh đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam?

4. Trình bày một số bài học kinh nghiệm chủ yếu của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay?

5. Liên hệ thực tiễn bản thân sau khi học xong chuyên đề này?

6. Hiện nay, một bộ phận thanh niên có tình trạng “nhặt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị”. Đồng chí đánh giá thế nào về vấn đề này và đề xuất giải pháp để khắc phục tình trạng nói trên?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2006), *Những thành công lớn của các Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2006)*, Hà Nội.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng - Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (2011), *Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho cán bộ Đoàn cơ sở*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Lê Hữu Tầng (2003), *Chủ nghĩa xã hội: Từ lý luận đến thực tiễn - những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

BÀI 3



HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Trang bị cho đoàn viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi về cấu trúc, đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam; vai trò, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; vị trí, vai trò chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vào sức mạnh của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

3. Vận dụng sáng tạo những kiến thức được học vào thực tiễn công tác, tích cực tham gia đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, tăng cường bảo vệ Đảng, bảo vệ hệ thống chính trị, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

B. NỘI DUNG CƠ BẢN

I. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1 Khái quát về hệ thống chính trị

1.1.1 Khái niệm hệ thống chính trị

Chính trị hiểu theo nghĩa chung nhất là một lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội, bao gồm các hoạt động và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong đời sống xã hội liên quan đến việc nhận diện và giải quyết các vấn đề chung của toàn xã hội, nhất là những vấn đề có tính tranh chấp, xung đột mang tính phổ biến trong các mối quan hệ xã hội. Để có thể giải quyết được các vấn đề trên, một quyền lực chung được thiết lập có sức mạnh cưỡng chế nhằm duy trì trật tự, hòa bình và công lý trong xã hội, đảm bảo các quyền, tự do của công dân. Nhà nước được tổ chức để thực thi quyền lực này. Do vậy, quyền lực nhà nước có nguồn gốc từ Nhân dân.

Trong các xã hội có giai cấp, các giai cấp tùy vào khả năng và tương quan lực lượng của mình đều tìm cách để giành quyền lực nhà nước để hiện thực hóa lợi ích của giai cấp mình, trên cơ sở và nhân danh thực hiện mục tiêu chung của xã hội. Chính vì vậy, ở cách tiếp cận này, chính trị được khái quát là quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước.

Từ đó có thể hiểu, hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị hợp pháp trong xã hội, bao gồm các Đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được liên kết với nhau trong một hệ thống cấu trúc, chức

năng với các cơ chế vận hành và mối quan hệ giữa chúng nhằm thực thi quyền lực chính trị.

1.1.2. Đặc trưng cơ bản của hệ thống chính trị

Trong xã hội có giai cấp, các chủ thể chính trị được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức, nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội; củng cố, duy trì và phát triển chế độ chính trị phù hợp với lợi ích của giai cấp cầm quyền, đồng thời thực hiện lợi ích của các chủ thể khác ở mức độ nhất định.

- Tính quyền lực: Hệ thống chính trị của bất kỳ chế độ, xã hội nào cũng là hệ thống tổ chức phân bổ và thực thi quyền lực chính trị của các chủ thể, lực lượng trong xã hội. Chẳng hạn, bên cạnh chủ thể nắm giữ và thực thi quyền lực nhà nước, còn có các chủ thể khác tham gia, tác động đến việc thực thi quyền lực nhà nước theo những cách thức nhất định, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của mình trong xã hội.

- Tính vượt trội: Hệ thống chính trị được xác lập và hoạt động theo các thể chế, luật lệ và cơ chế nhằm tạo ra sức mạnh, tính vượt trội của hệ thống. Theo đó, những tương tác có hại làm triệt tiêu động lực và kết quả hoạt động của nhau sẽ bị hạn chế, ngăn chặn, đồng thời cho phép và khuyến khích những tương tác mang tính hỗ trợ, hợp tác nhằm đạt được kết quả tốt nhất cho các bên và cho xã hội.

1.1.3. Cấu trúc của hệ thống chính trị

- *Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị (hợp pháp) thực thi những chức năng nhất định trong xã hội, gồm có:*

+ Đảng chính trị: Đảng cầm quyền là lực lượng chủ yếu thực thi quyền lực nhà nước, quyết định chính sách quốc gia.

Các đảng khác (trong mô hình hệ thống chính trị có nhiều đảng) đóng vai trò hợp tác, tham gia phản biện, giám sát, kê cả tìm cách hạn chế, ngăn cản hoạt động của đảng cầm quyền nhằm bảo vệ lợi ích của đảng mình.

+ Nhà nước: được cấu thành bởi 3 cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba cơ quan này thực thi quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước khác với quyền lực của các tổ chức chính trị khác ở tính “độc quyền cưỡng chế hợp pháp”.

+ Các tổ chức chính trị - xã hội: là những tổ chức của công dân được lập ra nhằm thực hiện một mục tiêu nhất định, có thể tác động đến việc thực hiện quyền lực của Đảng cầm quyền, Nhà nước để bảo vệ lợi ích của tổ chức mình và lợi ích của các thành viên. Mức độ sự tác động này phụ thuộc vào vị trí, khả năng, nguồn lực của tổ chức đó trong xã hội.

- Sự tương tác của các thể chế chính trị

Sự tương tác của các thể chế chính trị theo các cơ chế và mối quan hệ đã được xác lập, chủ yếu trên cơ sở của luật pháp. Theo đó, các tổ chức này có sự liên kết tương hỗ, hỗ trợ hoặc đối trọng, ngăn cản nhau trong các quá trình nhất định nhằm thực thi quyền lực chính trị, đạt được mục đích chung của hệ thống và xã hội cũng như lợi ích của các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị.

Chẳng hạn, trong hệ thống chính trị, các đảng chính trị thường đề ra cương lĩnh, mục tiêu, đường lối phát triển đất nước để vận động, thuyết phục Nhân dân ủng hộ, bỏ phiếu nhằm giành được đủ phiếu bầu trở thành đảng cầm quyền hoặc đảng đối lập có vị trí trong bộ máy nhà nước.

Khi trở thành đảng cầm quyền, đảng cầm quyền sẽ thể chế hóa cương lĩnh, mục tiêu, đường lối chính trị của đảng thành luật pháp, chương trình, dự án, chính sách và tổ chức thực hiện. Các đảng đối lập và các tổ chức chính trị - xã hội, phương tiện truyền thông có thể tham gia vào quá trình này để giám sát, phản biện chính sách của đảng cầm quyền tùy theo vị trí, nguồn lực mà họ có, nhằm làm tăng tính cần trọng, hợp lý của chính sách được ban hành hoặc phản đối, ngăn cản chính sách nhằm bảo vệ lợi ích của mình hoặc của người dân và xã hội theo quan điểm của họ.

1.2. Khái quát về hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay

1.2.1. Các thành tố trong hệ thống chính trị Việt Nam

Hệ thống chính trị Việt Nam gồm có:

- Đảng Cộng sản Việt Nam

- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội gồm có: Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một tổ chức thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, là hạt nhân của hệ thống chính trị; Nhà nước là trung tâm của hệ thống chính trị.

Thuật ngữ “hệ thống chính trị” được chính thức sử dụng ở Việt Nam từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (1989). Việc chuyển từ “hệ thống chuyên chính vô sản” sang “hệ thống chính trị” có ý

ngĩa nhấn mạnh đến sự tương tác, hợp tác của các chủ thể trong đời sống chính trị - xã hội, nhằm tạo nên sức mạnh hợp lực của toàn hệ thống và khả năng thích nghi của hệ thống với những thay đổi của môi trường xã hội.

1.2.2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các thành tố trong hệ thống chính trị Việt Nam

** Đảng Cộng sản Việt Nam:*

Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là hạt nhân lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chính trị.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Chức năng lãnh đạo của Đảng thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau: Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội; đồng thời Đảng là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Đảng tổ chức, thực hiện tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức và xã hội ủng hộ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua việc thực hiện, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

** Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:*

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân⁴³. Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị Việt Nam. Nhà nước gồm các cơ quan trung ương như Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội được toàn thể Nhân dân bầu ra theo hình thức phổ thông đầu phiếu với nhiệm kỳ 5 năm. Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh, Hội đồng Bầu cử quốc gia.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập

⁴³ Hiến pháp 2013, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr 9.

pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Chính phủ là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Chính phủ gồm Thủ tướng chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu, số lượng thành viên chính phủ do Quốc hội quyết định.

Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu ra là người đứng đầu Chính phủ. Chịu trách nhiệm trước Quốc hội và hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao.

Chính phủ thực hiện chức năng hành pháp, “tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước”, thống nhất quản lý về các lĩnh vực, ngành và nền hành chính quốc gia.

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử thực hiện quyền tư pháp. Tòa án gồm Tòa án nhân dân được thành lập từ cấp trung ương đến cấp huyện và các tòa án khác do luật định.

Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Tòa án xét xử độc lập chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm; thực hiện chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân là bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định.

- “Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên”⁴⁴. Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân là 05 năm.

Hội đồng nhân dân có hai chức năng cơ bản là: (1) quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; (2) giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

⁴⁴ Hiến pháp 2013, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr 75.

- “Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên”⁴⁵.

Ủy ban nhân dân có 3 chức năng chính: (1) Tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; (2) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân; (3) Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có tên gọi ban đầu là Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo, được thành lập ngày 18/11/1930.

Từ khi được thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và cùng trải qua các thời kỳ hoạt động cách mạng với những tên gọi khác nhau, Mặt trận là tổ chức tập hợp, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc của Việt Nam - một nhân tố quan trọng góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

⁴⁵ Hiến pháp 2013, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr 76.

Kế tục và phát huy vai trò lịch sử của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam các thời kỳ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay vẫn tiếp tục đại diện cho lợi ích, tiếng nói rộng rãi của các nhóm xã hội, các giai cấp, tầng lớp nhân dân, tạo sự đoàn kết, đồng thuận xã hội, huy động nguồn lực, sức mạnh của toàn thể nhân dân vào xây dựng đảng, chính quyền, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò tập hợp, thu hút các tầng lớp Nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; tuyên truyền động viên Nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật; phản biện xã hội đối với dự thảo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tập hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền với lợi ích chính đáng của Nhân dân; tham gia phát triển tình hữu nghị, hợp tác giữa Nhân dân Việt Nam với Nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: “Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của

thành viên, hội viên, tổ chức của mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”⁴⁶.

Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là tổ chức lãnh đạo Mặt trận.

- Công đoàn Việt Nam

Công đoàn Việt Nam được thành lập ngày 28/7/1929. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, tổ chức Công đoàn Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng giai cấp, trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Hiến pháp 2013 quy định: “Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người dân lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội: tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao

⁴⁶ Hiến pháp 2013, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr 13.

động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc⁴⁷.

Công đoàn Việt Nam là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (thành lập ngày 20/10/1930) là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển, tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Liên đoàn các tổ chức phụ nữ ASEAN.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam từ khi thành lập đến nay đã đoàn kết, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ, phát huy truyền thống yêu nước, anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang, góp phần tích cực, quan trọng vào sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có sự phát triển mạnh trong việc tổ chức, thu hút hội viên; có những mô hình liên kết, hỗ trợ thiết thực, sáng tạo cho sự phát triển của các hội viên, tham gia xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế gia đình và đặc biệt đóng góp những ý kiến phản biện, đề xuất chính

⁴⁷ Hiến pháp 2013, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr 14.

sách cho Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ, trẻ em và thực hiện những hoạt động cho sự phát triển, bình đẳng giới của phụ nữ Việt Nam

- Hội Nông dân Việt Nam

Hội Nông dân Việt Nam (thành lập ngày 14/10/1930) là tổ chức chính trị - xã hội của nông dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ sở chính trị của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, mục đích của Hội là tập hợp đoàn kết nông dân, tạo diễn đàn chia sẻ thông tin và tri thức trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, tạo sự kết nối, hỗ trợ giữa các hội viên, đồng thời đại diện và bảo vệ cho quyền, lợi ích chính đáng của hội viên trong quan hệ với các chủ thể khác của đời sống xã hội. Từ đó, tạo sự đồng thuận, sức mạnh của tổ chức, xứng đáng là lực lượng đồng minh tin cậy trong khối liên minh công, nông, trí, bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển nông dân, nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới.

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Hội Cựu chiến binh Việt Nam (thành lập ngày 06/12/1989) là một tổ chức chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hoạt động theo đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Hội.

Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất,

truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng và hợp pháp của cựu chiến binh, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu.

- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (thành lập ngày 26/3/1931) là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hàng năm của các cấp, các ngành. Đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, xã hội, các tập thể lao động và gia đình chăm lo giáo dục, đào tạo và bảo vệ thanh thiếu nhi; tổ chức cho đoàn

viên, thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

Đoàn giữ vai trò nòng cốt chính trị trong việc xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các thành viên khác của hội. Đối với Đội Thiếu niên tiền phong, Đoàn giữ vai trò là người phụ trách xây dựng tổ chức Đội.

Tóm lại, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tuân theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1) Thực hiện Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ, Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; các chương trình phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên với cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan.

2) Tập hợp ý kiến, kiến nghị của thành viên, đảng viên, đoàn viên, hội viên, Nhân dân và kết quả thực hiện chương trình phối hợp và thống nhất hành động gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

3) Tuyên truyền, vận động thành viên, đảng viên, đoàn viên, hội viên, Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4) Vận động các thành viên, đảng viên, đoàn viên, hội viên của tổ chức mình thực hiện đúng chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

5) Giám sát, phản biện xã hội.

6) Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ những tổ chức, cá nhân chưa gia nhập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhưng có tinh thần hưởng ứng, ủng hộ, thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7) Tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1.2.3. Mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị

Các quan hệ trong hệ thống chính trị Việt Nam, các quan hệ chính trị được xác lập theo một cơ chế chủ đạo là: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò, chức năng lãnh đạo đối với toàn xã hội, nhằm phát huy và thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Quyền lực của Nhà nước là quyền lực của Nhân dân giao cho để phục vụ Nhân dân. Nhà nước thể chế hóa đường lối, mục tiêu, chủ trương lãnh đạo của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước và tổ chức thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho lợi ích rộng rãi của các giai cấp, tầng lớp xã hội, của toàn thể Nhân dân lao động và yêu nước Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Tuỳ theo

tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, các tổ chức vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; đồng thời chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Mọi hành vi lợi dụng dân chủ, lợi dụng quyền lập hội để chống phá Đảng, chính quyền nhân dân, đi ngược lại lợi ích của Nhân dân và dân tộc đều vi phạm pháp luật Việt Nam và bị xử lý theo pháp luật.

Đảng, Nhà nước, cấp ủy và chính quyền địa phương tôn trọng tính tự chủ, tự nguyện, ủng hộ và tạo mọi điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động tích cực, sáng tạo đóng góp cho Đảng, chính quyền và đất nước, mang lại lợi ích cho Nhân dân. Đảng, chính quyền lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Trong hệ thống chính trị, các bộ phận cấu thành đều có chung một mục đích là duy trì và đại diện cho quyền lực và lợi ích của giai cấp và dân tộc. Cả hệ thống chính trị Việt Nam đều có chung một mục tiêu là phấn đấu vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nhân mạnh: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội góp phần quan trọng trong việc thực hiện cương lĩnh, mục tiêu, phương hướng chính trị của Đảng cầm quyền và Nhà nước xã hội

chủ nghĩa. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội góp phần bảo đảm sức mạnh của hệ thống chính trị. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quyết định việc tập hợp lực lượng nhân dân, tổ chức các phong trào nhân dân và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Cơ chế và các nguyên tắc vận hành

Hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động theo những nguyên tắc phổ biến của hệ thống chính trị nói chung như: nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; nguyên tắc ủy quyền có điều kiện và có thời hạn; nguyên tắc pháp quyền. Ngoài ra hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động theo những nguyên tắc riêng như: tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là tập trung thống nhất, không phân chia, nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

1.2.4. Đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam

Hệ thống chính trị Việt Nam cũng được tổ chức theo những mô hình phổ biến của hệ thống chính trị các nước trên thế giới. Mặt khác hệ thống chính trị Việt Nam cũng có những đặc điểm riêng.

Thứ nhất, hệ thống chính trị Việt Nam do duy nhất một Đảng Cộng sản lãnh đạo. Không tồn tại các đảng chính trị đối lập. Đặc điểm này thể hiện tính phổ biến của hệ thống chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa, vừa thể hiện tính đặc thù xuất phát từ điều kiện thực tế cụ thể ở Việt Nam. Bởi vì, ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã được sự tín

nhiệm của Nhân dân, được Nhân dân ủng hộ, tôn vinh ở vị trí lãnh đạo và thực tế Đảng đã xứng đáng với vị trí được tôn vinh này⁴⁸.

Thứ hai, hệ thống chính trị Việt Nam là hệ thống chính trị được xây dựng trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Toàn bộ hệ thống chính trị đều được tổ chức và hoạt động trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta xác định “*Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng*”.

Thứ ba, do lịch sử hình thành gắn với các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên do Đảng thành lập và lãnh đạo, có mối quan hệ gắn bó, mật thiết với Đảng và Nhà nước. Các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị đều do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập: Nhà nước là hình thức tổ chức quyền lực của Nhân dân - do Đảng lập ra. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội do Đảng sáng lập có nhiệm vụ chính trị là tổ chức tập hợp, đoàn kết quần chúng, đại diện ý chí và nguyện vọng của quần chúng.

Thứ tư, hệ thống chính trị Việt Nam là một hệ thống mang tính thống nhất và tập trung quyền lực. Tính thống nhất của hệ thống chính trị xuất phát từ nguồn gốc quyền lực của nhân dân ủy quyền cho Đảng, Nhà nước để thực hiện mục đích chung. Mục đích chính trị của toàn bộ hệ thống là:

⁴⁸ Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chính trị học (2009), *Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.13-14.

xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam và mục tiêu cụ thể được xác định là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ năm, trong hệ thống chính trị Việt Nam, các thành viên có địa vị pháp lý vững chắc. Do vị trí, chức năng của mỗi thành viên trong hệ thống chính trị được quy định trong Hiến pháp và các đạo luật, như: Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên...

II. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - THÀNH TỐ HẠT NHÂN VÀ LÃNH ĐẠO CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

2.1. Vai trò hạt nhân và yêu cầu khách quan Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị Việt Nam

Vai trò hạt nhân lãnh đạo

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn bộ xã hội. Vai trò lãnh đạo đó xuất phát từ chính bản chất của một Đảng Cộng sản theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bản chất đó được hình thành từ 3 yếu tố quan trọng. *Thứ nhất*, Đảng Cộng sản khác về chất với các đảng chính trị hiện có (đảng tư sản) ở chỗ: luôn đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động, đấu tranh và phấn đấu cho mục tiêu giải phóng con người, xóa bỏ bất công và áp bức trong xã hội, xây dựng một xã hội vì con người, vì sự phát triển và hoàn thiện các khả năng của con người. *Thứ hai*, Đảng Cộng sản là tổ chức của những người cộng sản tiêu biểu về mặt trí tuệ, đồng thời luôn thu hút và tập hợp được những người tài giỏi nhất của giai cấp và xã hội. *Thứ ba*,

Đảng Cộng sản còn có tính tiên phong, tiêu biểu cho những giá trị, tiến bộ và văn minh của nhân loại.

Chính vì có “chất cộng sản” trên, Đảng luôn có được sự ủng hộ của Nhân dân, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhân dân giành lại quyền lực nhà nước từ tay giai cấp thống trị, lập nên Nhà nước, lãnh đạo Nhà nước tổ chức thực thi quyền lực của Nhân dân, cho Nhân dân và vì Nhân dân. Lãnh đạo Nhân dân và xã hội thực hiện mục tiêu xây dựng một xã hội tốt đẹp, phát triển - xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình này, sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho sự thành công của công cuộc xây dựng xã hội mới ở Việt Nam.

Đảng có vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội nhưng mọi tổ chức đảng và đảng viên đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đây là nguyên tắc hiến định đảm bảo nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, hướng tới mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu khách quan Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị:

Thứ nhất, sự lãnh đạo của Đảng xuất phát từ tính chất của một Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản khác với các đảng chính trị khác ở 03 tiền đề quan trọng: (1) là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, Đảng tập hợp những con người tiêu biểu của xã hội; (2) là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của Nhân dân lao động và của dân tộc. Việc ra đời và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt thời gian qua đã biểu hiện rõ tính chất nêu trên. Đảng là đảng của cả dân tộc, tức của mọi giai tầng

trong xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân”⁴⁹. Ngoài lợi ích đại diện cho dân, cho nước, Đảng không có lợi ích nào khác; (3) tiêu biểu về trí tuệ, Đảng tập hợp, thu hút được những người tài giỏi nhất của giai cấp và các tầng lớp Nhân dân vào trong tổ chức của mình. Ba tiền đề trên chính là yếu tố tạo nên sức mạnh, năng lực lãnh đạo của Đảng và sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân.

Thứ hai, việc lựa chọn con đường phát triển của đất nước dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Con đường phát triển này luôn cần có sự lãnh đạo của một Đảng cộng sản - Đảng luôn đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân và của dân tộc trong tổ chức và thực thi quyền lực của Nhân dân. Theo đó, Đảng vì mục tiêu, lý tưởng cộng sản của mình sẽ là lực lượng lãnh đạo Nhân dân giành chính quyền, giành lại quyền lực nhà nước về tay Nhân dân và tổ chức thực thi quyền lực của Nhân dân, cho Nhân dân và vì Nhân dân. Trong quá trình này, sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho quyền lực nhà nước được thực thi vì mục đích, lợi ích của Nhân dân và xã hội.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của Việt Nam. Trong hệ thống chính trị một Đảng Cộng sản cầm quyền, không thể có một tổ chức hay lực lượng nào khác trong tương quan so sánh có khả năng dẫn dắt, lãnh đạo Nhân dân thực hiện được những mục đích tốt đẹp như Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện. Trong Điều lệ Đảng chỉ rõ mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu

⁴⁹ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 7*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 231.

mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Đặc điểm này cho thấy rằng, đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của Nhân dân. Đây là cơ sở quan trọng cho sự lãnh đạo của Đảng ở Việt Nam hiện nay.

Trong sự lãnh đạo của mình, Đảng đề cao nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong đó, tổ chức quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đảng lãnh đạo xã hội được xác định là chủ yếu bằng Nhà nước. Văn kiện Đại hội XI của Đảng đã nêu rõ: “Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước”⁵⁰.

Tuy nhiên, khi trở thành một Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo hệ thống chính trị và lãnh đạo toàn bộ xã hội trong thời kỳ hòa bình, Đảng phải luôn đề phòng khả năng chủ quan, duy ý chí, độc đoán, chuyên quyền. Việc phân định chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước hiện nay làm cho sự lãnh đạo của Đảng trên thực tế có thể dẫn tới hai khuynh hướng: hoặc bao biện làm thay các công việc của Nhà nước, can thiệp trực tiếp vào các công

⁵⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.144.

việc của Nhà nước hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Quá trình đổi mới hệ thống chính trị trong thời gian qua đã có sự phân định ngày càng rõ hơn chức năng, mối quan hệ của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị. Theo đó, ngoài việc xác định rõ nội dung lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, giữa các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, tạo sự thống nhất, thông suốt trong hoạt động của hệ thống chính trị.

2.2. Nội dung lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Để thực hiện chức năng lãnh đạo, cần có các nội dung lãnh đạo. Nội dung lãnh đạo của Đảng là những vấn đề, nhiệm vụ cụ thể mà Đảng đặt ra và chủ yếu được xác định ở mục tiêu trong các đường lối, chủ chương, chính sách nhằm xây dựng và phát triển đất nước. Nội dung lãnh đạo của Đảng bao gồm tất cả các vấn đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

Về nguyên tắc: Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, toàn xã hội; Đảng lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối trên các lĩnh vực như cán bộ, công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng. Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Những nội dung lãnh đạo của Đảng:

Một là, Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, chiến lược, đường lối, chính sách lớn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa chúng thành các luật lệ, quy định, chính sách và tổ chức thực

hiện, Mặt trận và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị dựa trên đường lối của Đảng, luật pháp, chương trình, kế hoạch của công tác và tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng của từng tổ chức, Đảng không quyết định những vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm của Nhà nước và các tổ chức khác, Đảng tôn trọng tính độc lập của từng tổ chức.

Hai là, Đảng lãnh đạo xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch vững mạnh, đủ năng lực và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, thực sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng được tiến hành từng bước phù hợp với tình hình thực tiễn. Theo đó, ngoài việc lãnh đạo Quốc hội tập trung vào việc xây dựng hệ thống luật pháp đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, Đảng lãnh đạo Nhà nước thực hiện cải cách quy trình lập pháp, cải cách nền hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiện đại, cải cách tư pháp.

Bên cạnh đó, Đảng lãnh đạo xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội đủ sức tập hợp rộng rãi quần chúng Nhân dân và phát huy có hiệu quả quyền làm chủ của họ trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực này thể hiện ở việc đề ra các quan điểm, các nguyên tắc, tư tưởng chỉ đạo việc xây dựng tổ chức và hoạt động của các tổ chức; đề cao tính tự chủ, chủ động của các tổ chức. Đảng không can thiệp vào công việc tổ chức cụ thể của các thành viên khác trong hệ thống chính trị.

Ba là, Đảng xác định thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ thông qua việc hoạch định chủ trương, chính sách cán bộ. Đảng quyết định những chính sách lớn về cán bộ, thực hiện công tác tổ chức và cán bộ trên tất cả các khâu đào tạo, bồi

dưỡng, bố trí, đánh giá và sử dụng cán bộ. Trực tiếp bố trí và quyết định nhân sự chủ chốt của hệ thống chính trị, nhất là ở các cấp cao, giới thiệu các đảng viên ưu tú, có uy tín, năng lực, trung thành với Đảng, dân tộc cho Nhân dân lựa chọn, bầu vào các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan dân cử và các cơ quan nhà nước, các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Bốn là, Đảng tiến hành kiểm tra đối với các tổ chức Đảng, Nhà nước và các tổ chức chủ yếu khác trong hệ thống chính trị. Nội dung kiểm tra chủ yếu là việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, việc tuân thủ pháp luật và trách nhiệm trước Nhân dân. Đảng vừa trực tiếp kiểm tra, vừa tổ chức sự phối hợp hoạt động kiểm tra của cả hệ thống kiểm tra Đảng, giám sát của Quốc hội, thanh tra Nhà nước, điều tra của Viện Kiểm sát và kiểm tra của các tổ chức chính trị - xã hội khác. Thông qua kiểm tra, phát hiện những việc làm đúng, những sai sót trong tổ chức thực hiện, qua đó tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Từ đó nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Như vậy, nội dung lãnh đạo của Đảng được thể hiện trong cương lĩnh chính trị, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm tính định hướng chính trị cho sự phát triển đất nước, tạo cơ sở cho tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và toàn bộ xã hội hướng tới mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2.3. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Phương thức lãnh đạo của Đảng chính là cách thức tác động của Đảng đối với những đối tượng lãnh đạo nhằm biến đường lối chủ trương của Đảng thành nhận thức và hành động, qua đó thực hiện được các nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra.

- Chủ thể tác động: Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đối tượng tác động: Nhà nước, các lực lượng xã hội, các tổ chức, cá nhân.

- Phương thức tác động: thông qua hệ thống những cách thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác của Đảng.

- Mục đích: nhằm biến đường lối chủ trương của Đảng thành nhận thức và hành động của đối tượng lãnh đạo qua đó thực hiện các nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra.

Phương thức lãnh đạo của Đảng:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) xác định phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xã hội bằng:

- Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn của Đảng, được thể hiện trong cương lĩnh, văn kiện, các nghị quyết của Đảng. Trên cơ sở những quan điểm đường lối, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước thể chế hóa thành Hiến pháp, các đạo luật, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động: đây là một phương thức lãnh đạo chủ yếu và quan trọng của Đảng. Đường lối, mục tiêu, chủ trương, chính sách của Đảng dù có đúng đắn và khoa học vì dân, nhưng nếu không có sự tuyên

truyền, thuyết phục, vận động thì chúng cũng khó đến được với các chủ thể khác trong hệ thống chính trị, khó tạo được sự thống nhất về tư tưởng, và hành động. Phương thức lãnh đạo này mang tính dân chủ, góp phần tạo sự đồng thuận và huy động sức mạnh của hệ thống, xã hội.

- Công tác tổ chức, cán bộ, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

- Công tác kiểm tra, giám sát được coi là một phương thức lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo mà không có kiểm tra, giám sát thì coi như là không lãnh đạo. Việc kiểm tra, giám sát của Đảng giúp cho việc nhận diện việc nắm bắt và thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng đã đúng chưa, có những vướng mắc, bất cập gì trong thực tế và cần phải hoàn thiện chính sách hay khắc phục như thế nào.

- Sự gương mẫu của đảng viên, nhất là những người đứng đầu các tổ chức, cơ quan của Đảng. Sự gương mẫu của mỗi đảng viên, nhất là của những người đứng đầu ở các vị trí cao của hệ thống chính trị luôn có sức lay động và cảm hóa mạnh mẽ đối với Nhân dân.

- Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Thông qua tính kỷ luật và thống nhất trong Đảng, các đảng viên và tổ chức đảng sẽ là người tuân thủ, thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đồng thời họ cũng là người có vai trò phổ biến, vận động, thuyết phục đối với các thành viên khác của xã hội nhận thức và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Ngoài những điểm nêu trên, Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân từ uy tín của Đảng, từ sự đề cao và tôn trọng vai trò của Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội.

III. ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

3.1. Yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị

Thứ nhất, xuất phát từ bối cảnh của xã hội hiện đại đã làm thay đổi cấu trúc quyền lực giữa các chủ thể trong đời sống chính trị - xã hội trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Theo đó, các chủ thể có các khả năng và nguồn lực riêng trong việc tạo dựng quyền lực, dẫn tới sự tham gia, tác động đến nhiều hoạt động chính trị và buộc các hệ thống chính trị phải thay đổi cách thức tổ chức và hoạt động của mình để có thể thích ứng và đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chẳng hạn, việc tổ chức và thực thi quyền lực đang có xu hướng giảm dần tính thứ bậc, tầng nấc trung gian để tăng hiệu lực và hiệu quả, xu hướng dùng quyền lực trí tuệ, quyền lực thông minh cũng chiếm ưu thế hơn so với dùng sức mạnh bạo lực, cưỡng chế. Cách thức tổ chức và phương thức thực thi quyền lực thay đổi, dẫn tới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị cũng phải thay đổi một cách tương thích.

Thứ hai, đổi mới hệ thống chính trị là yêu cầu khách quan nhằm khắc phục những yếu kém tồn tại trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay. Thực tiễn hoạt động của hệ thống chính trị đã bộc lộ những hạn chế của nó: “Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp

ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chức năng, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp. Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, mạnh mẽ và đồng bộ, còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ... Tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chậm đổi mới..."⁵¹.

Thứ ba, xuất phát từ sự chủ động trong lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị Việt Nam. Nhận thức được những hạn chế trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi thời kỳ, các nghị quyết đại hội Đảng đều xác định nhiệm vụ quan trọng là đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện cải cách nền hành chính và gần đây nhất, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã tập trung vào việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3.2. Nguyên tắc, nhiệm vụ và giải pháp cơ bản

3.2.1. Nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị

- Đổi mới hệ thống chính trị phải bảo đảm ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất để từng bước đổi mới vững chắc, tránh sự nóng vội, chủ quan và có thể sai lầm về mặt chính trị. Do vậy, đổi mới hệ thống chính trị phải được tiến hành một cách

⁵¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.38-39.

đồng bộ, thống nhất, nhưng cũng phải có lộ trình, bước đi phù hợp.

- Đổi mới hệ thống chính trị phải đảm bảo nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và xã hội là một nguyên tắc hiến định và trong hệ thống chính trị một đảng thì vấn đề không nằm ở việc tăng cường sự lãnh đạo mà quan trọng là làm thế nào để tăng hiệu lực lãnh đạo.

- Đổi mới hệ thống chính trị không làm thay đổi bản chất của chế độ mà là làm cho hệ thống chính trị ngày càng được tổ chức hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, đáp ứng được những yêu cầu đòi hỏi của Nhân dân, xã hội và sự phát triển của đất nước trong điều kiện hội nhập khu vực, quốc tế và sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ: “tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, nhất là nội dung Nhân dân làm chủ và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”⁵².

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp đổi

⁵² Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 210-211.

mới hệ thống chính trị⁵³. Trong thời gian tới cần tập trung vào những giải pháp chủ yếu sau:

- Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Trên cơ sở đó rà soát lại hệ thống tổ chức hiện có để nhận diện và khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức này, đồng thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của toàn hệ thống chính trị. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị. Kiên quyết thực

⁵³ Xem thêm tài liệu: Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

hiện các biện pháp nhằm loại bỏ các tổ chức, các cấp trung gian, trùng lặp chức năng, tinh giản biên chế.

Ngoài các giải pháp cho toàn hệ thống ở trên, cần thực hiện một số giải pháp riêng cho các tổ chức của hệ thống:

Đối với Đảng:

Thứ nhất, kiện toàn và nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu và các tổ chức Đảng ở trung ương theo hướng làm tăng hàm lượng trí tuệ cho các chủ trương, định hướng chính sách lớn của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội theo hướng phát huy tính tự chủ, chủ động, tích cực của các tổ chức này trong thực thi chức năng của mình.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là đối với cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức, khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế. Đồng thời kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, làm trong sạch đội ngũ của Đảng, củng cố niềm tin của dân đối với Đảng.

Đối với Nhà nước:

Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ chế “kiểm soát” giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo hiến.

Quốc hội cần phải nâng cao chất lượng hoạt động, nhất là trong hoạt động lập pháp để đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống pháp luật đáp ứng được yêu cầu quản lý nền kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu của xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Do vậy, cần phải tăng số đại biểu chuyên trách, giảm số lượng đại biểu kiêm nhiệm công tác ở các cơ quan hành pháp.

Chính phủ, cần phải đổi mới theo hướng xây dựng một Chính phủ hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả. Theo đó, Chính phủ, các bộ, ngành tiếp tục thực hiện đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, luật pháp, cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành.

Rà soát nhiệm vụ, quyền hạn để phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương để góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế của các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân. Đẩy mạnh và kiên quyết thực hiện tách chức năng quản lý nhà nước ra khỏi chức năng kinh doanh. Định rõ quyền và trách nhiệm của những người đứng đầu các cơ quan trực thuộc chính phủ và chính quyền địa phương.

Đối với hệ thống Tòa án và Viện Kiểm sát: Tòa án phải được đảm bảo xét xử độc lập. Xét xử độc lập của tòa án là nguyên tắc hiến định, nhưng nếu trong thực tế không tạo ra

các điều kiện đảm bảo thì các thẩm phán vẫn có khả năng bị chi phối, ảnh hưởng bởi các quyền lực mạnh và lợi ích lớn trong xã hội. Tiếp tục thực hiện xây dựng tòa án khu vực và dần tách tòa án khỏi hệ thống hành chính nhà nước. Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tòa bằng việc xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ luật sư, hiệp hội luật sư. Sắp xếp, đổi mới Viện Kiểm sát theo hướng tập trung vào thực hiện chức năng điều tra, công tố.

Đối với chính quyền địa phương:

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế xây dựng chính quyền địa phương. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; quy định rõ cơ chế phân cấp, ủy quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được phân cấp, ủy quyền giữa các cấp chính quyền địa phương.

Nghiên cứu, thực hiện giảm hợp lý số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và giảm đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước; giảm số lượng phó chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Quy định khung số lượng các cơ quan trực thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và khung số lượng cấp phó của các cơ quan này.

Rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các sở, ngành theo hướng tinh gọn đầu mối. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp; tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cấp.

Đòi với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

Kiến toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong mỗi tổ chức, chú trọng ở hai cấp trung ương và cơ sở; khắc phục tình trạng “hành chính hoá” trong tổ chức bộ máy, giảm bớt những cấp, vị trí trung gian, tạo cho bộ máy tổ chức gọn nhẹ, năng động, thiết thực.

Đòi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích, tập trung cho cơ sở; đại diện và bảo vệ một cách thiết thực quyền lợi chính đáng và hợp pháp của hội viên, đoàn viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và quản lý xã hội.

Để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có sự độc lập nhất định trong tổ chức và hoạt động, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội phải nỗ lực, chủ động trong việc huy động nguồn lực của tổ chức, dân tự chủ về kinh phí. Trong khi đó sự hỗ trợ kinh phí hoạt động từ Nhà nước nên được bàn thảo và quyết định trước theo các nhu cầu công việc và điều kiện hoạt động, vừa đảm bảo sự độc lập, chủ động của các tổ chức vừa nâng cao được hiệu quả sử dụng.

Để nâng cao tính hiệu quả của việc giám sát, phản biện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước: một mặt, Đảng, Nhà nước cần cụ thể hoá cơ chế tư vấn, giám sát, phản biện của Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội, mặt khác, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cũng cần được tổ chức và thay đổi cách thức giám sát, phản biện. Hoạt động giám sát được thực hiện theo đúng tính chất là ai ở đâu, làm gì thì giám sát và phản biện cái đó. Việc giám sát và

phản biện được thực hiện xuất phát từ chính lợi ích, lĩnh vực hoạt động của các cá nhân, tổ chức, hiệp hội và do vậy cũng có tính chuyên môn. Mặt trận sẽ đóng vai trò tiếp nhận sự phản hồi, giám sát của các tổ chức thành viên, kết nối tạo mạng lưới hỗ trợ hoặc huy động nguồn lực, kết nối với Đảng và Nhà nước trong việc phản ánh, đề xuất, kiến nghị, tư vấn về các vấn đề giám sát và phản biện.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Mô tả cấu trúc, những đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam?

2. Vai trò, những nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị Việt Nam?

3. Tại sao phải tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam?

4. Các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả?

5. Vị trí, vai trò của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong hệ thống chính trị Việt Nam?

6. Tổ chức Đoàn cơ sở của đồng chí đã và đang làm gì để góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng).

Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI thông qua ngày 13/12/2017).

Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII thông qua ngày 09/3/2017).

Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua ngày 12/12/2018).

Điều lệ Công đoàn Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII thông qua ngày 24/9/2018).

Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ IX thông qua ngày 20/9/2019).

Hiến pháp 2013 (2016), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Acemoglu D. và Robinson J (2013), *Tại sao các quốc gia thất bại*, Bản dịch, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÀI 4



ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Trang bị cho đoàn viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quá trình hình thành, phát triển của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; vai trò và những tính chất, chức năng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; những nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay; những vấn đề cơ bản về đoàn viên, thanh niên Việt Nam trong thời kỳ mới.

2. Nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, bồi đắp niềm tự hào về truyền thống cách mạng vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và của thế hệ trẻ Việt Nam dưới sự sáng lập, lãnh đạo, rèn luyện của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Vận dụng sáng tạo những kiến thức được học vào thực tiễn công tác, tích cực tham gia xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng; tăng cường bảo vệ hình ảnh tổ chức Đoàn và thế hệ trẻ Việt Nam, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

B. NỘI DUNG CƠ BẢN

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

1.1. Quá trình hình thành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

1.1.1. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập tổ chức Đoàn

- Nguyễn Ái Quốc đã tham gia hoạt động tích cực trong phong trào thanh niên, sáng lập các tổ chức thanh niên yêu nước để giáo dục, đoàn kết tập hợp thanh niên.

+ Ngày 05/6/1911 người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành từ bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

+ Năm 1917, với nhiệt huyết của tuổi thanh niên, Người sáng lập “Nhóm những người Việt Nam yêu nước” tại Paris (Pháp), thành phần chủ yếu là thanh niên, mục đích chuẩn bị cho cuộc đấu tranh chính trị chống thực dân Pháp ngay tại Pháp mà hoạt động tiêu biểu là gửi bản yêu sách 08 điểm đòi quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc Việt Nam. Dư luận Pháp coi đây là quả bom chính trị nổ ngay giữa Paris.

+ Tháng 7 năm 1920: Nguyễn Ái Quốc đọc “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin. Từ đó Người quyết định đi theo con đường cách mạng tháng Mười Nga.

+ Tháng 12 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III.

+ Năm 1921, tại Paris (Pháp), Nguyễn Ái Quốc thành lập ra “Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa”, thành viên chủ yếu là thanh niên, mục đích đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đến các dân tộc thuộc địa. Đây chính là loại hình Quốc tế thanh niên thuộc địa theo quan điểm của Lênin mà Nguyễn Ái Quốc bước đầu bắt tay thực hiện.

+ Tháng 6/1924, Nguyễn Ái Quốc là đại diện ưu tú của các dân tộc bị áp bức, đại biểu chính thức tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V tại Matxcova (Nga). Người đã đề nghị với Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản về việc thành lập “Nhóm châu Á” tại trường Đại học Phương Đông nhằm tạo điều kiện cho thanh niên, có cơ hội nghiên cứu tình hình, đặc điểm các nước thuộc địa phụ thuộc.

+ Tháng 7/1924, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội Quốc tế thanh niên cộng sản lần thứ IV tại Matxcova. Người đã chủ trì soạn thảo và trình bày tại Đại hội “Luận cương về thanh niên thuộc địa”. Trong đó nêu lên yêu cầu cấp bách phải tổ chức, tập hợp lực lượng thanh niên cách mạng và hình thành các đoàn thể thanh niên, tiến tới xây dựng các tổ chức Thanh niên cộng sản ở thuộc địa.

+ Tháng 12/1924, tại Quảng Châu, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc khẩn trương tìm hiểu tình hình, tìm cách tiếp cận và làm việc với nhóm thanh niên trong tổ chức Tâm Tâm xã. Người đã thẳng thắn nêu lên những thiếu sót trong nhận thức, hành động của nhóm này và tỏ ra sự khâm phục tinh thần yêu nước đối với các chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi. Dưới hình thức mở các lớp bồi dưỡng về Chủ nghĩa xã hội khoa học và học thuyết Mác - Lênin, Cách mạng tháng Mười Nga, Quốc tế Cộng sản... Nguyễn Ái Quốc đã tạo nên niềm

tin mạnh mẽ cho số thanh niên yêu nước và đưa họ dần đến với chân lý cách mạng.

+ Tháng 02 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc tổ chức một nhóm thanh niên bí mật gồm 09 người (Lý Thụy, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Lâm Đức Thọ, Vương Thúc Oánh, Lưu Quốc Long và Lâm Văn Dĩnh), tuy quy mô nhỏ nhưng có đầy đủ Chương trình, Điều lệ. Nhóm bí mật do Nguyễn Ái Quốc xây dựng là cái mầm non của một tổ chức Cộng sản mà Người đã ấp ủ bấy lâu. Đây là sự kiện đặc biệt quan trọng mở đầu cho quá trình hình thành và phát triển các tổ chức thanh niên cách mạng theo xu hướng Cộng sản cũng như sự ra đời của Đoàn Thanh niên cộng sản ở nước ta.

+ Tháng 6 năm 1925, “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” với nòng cốt là Cộng sản Đoàn đã chính thức tuyên bố thành lập và bắt đầu mở rộng các hoạt động, tạo ra bước ngoặt quan trọng trong phong trào yêu nước của Nhân dân ta, đặc biệt là của thanh niên. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo “Thanh niên”. Với mục đích truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã đặt nền tảng đầu tiên để chuẩn bị cho sự ra đời tổ chức thanh niên sau này.

- Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản ở Việt Nam.

Cuối năm 1925 đầu năm 1926, với tầm nhìn xa trông rộng, Nguyễn Ái Quốc cử đồng chí Hồ Tùng Mậu về Thái Lan để củng cố cơ sở cách mạng của bà con Việt kiều, đồng

thời lựa chọn một số thiếu niên ưu tú là con em Việt kiều yêu nước đang học tại trường Hoa - Anh học hiệu (của một nhà yêu nước người Trung Quốc) bí mật đưa sang Quảng Châu đào tạo để chuẩn bị cho đội ngũ kế cận cách mạng sau này và chuẩn bị cho việc xây dựng *Thanh niên cộng sản Đoàn* ở trong nước. Trong đó có Lê Hữu Trọng (tức là Lý Tự Trọng) và một số thiếu niên tại quê hương Nghệ An và Hà Tĩnh là:

- 1) Lê Hữu Trọng (Bí danh: Lý Tự Trọng).
- 2) Đinh Chương Long (Bí danh: Lý Văn Minh).
- 3) Vương Thúc Thoại (Bí danh: Lý Thúc Chất).
- 4) Hoàng Tự (Bí danh: Lý Anh Tự).
- 5) Ngô Trí Thông (Bí danh: Lý Trí Thông).
- 6) Ngô Hậu Đức (Bí danh: Lý Phương Đức).
- 7) Nguyễn Sinh Thản (Bí danh: Lý Nam Thanh).
- 8) Nguyễn Thị Tích (Bí danh: Lý Phương Thuận).

Như vậy, bên cạnh việc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (tháng 6/1925) và năm sau (tháng 6/1926), nhóm thiếu nhi cộng sản An Nam gồm 08 em đầu tiên được bí mật tuyển chọn đưa sang Quảng Châu đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng trở thành 08 đoàn viên thanh niên cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đã thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng và nhãn quan chính trị của Nguyễn Ái Quốc luôn nhìn nhận thế hệ trẻ là tương lai, là chủ nhân của đất nước, coi thanh niên là “rường cột” của nước nhà, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng Việt Nam.

1.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thành lập tổ chức Đoàn

** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất (tháng 10/1930) đặt nền móng cho sự ra đời của Đoàn Thanh niên cộng sản*

- Hội nghị đã thông qua: “Án nghị quyết về tình hình Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng”. Đặc biệt là thông qua “Án nghị quyết về Cộng sản thanh niên vận động”. Trong Án nghị quyết có ghi: “Đảng phải thi hành ngay Án nghị quyết của Quốc tế cộng sản Đoàn và giúp cho Đoàn có tính độc lập...”. “Đảng Cộng sản phải cần kíp công tác trong quần chúng thanh niên, phải lãnh đạo quần chúng thanh niên... Muốn vậy, chỉ có thể tổ chức ra một đoàn thể của thanh niên mới được”. “Trung ương, các xứ ủy, các tỉnh, thành, đặc ủy phải phái ra một số đồng chí trẻ tuổi phụ trách tổ chức ra Thanh niên cộng sản Đoàn và giúp cho Đoàn có tánh chất độc lập”⁵⁴.

“Án nghị quyết về Cộng sản thanh niên vận động” ra đời tháng 10/1930 là văn kiện nền tảng về lý luận vận động thanh niên đầu tiên của Đảng. Án nghị quyết ra đời đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của phong trào yêu nước trong thanh niên đang phát triển và thực sự tạo nên những chuyển biến quan trọng trong sự nghiệp xây dựng Đoàn.

** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (tháng 3/1931) và sự ra đời của Đoàn Thanh niên cộng sản.*

- Thực hiện Án nghị quyết tháng 10/1930 về công tác thanh niên của Trung ương Đảng, các cơ sở Đoàn được xây dựng trên hầu hết các địa phương cả nước, nhưng hệ thống

⁵⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 2, tr.115-116.

tổ chức của Đoàn vẫn chưa được thống nhất và Đoàn chưa có sinh hoạt riêng.

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 2 diễn ra tại Sài Gòn từ ngày 20 đến ngày 26/3/1931 do Tổng Bí thư Trần Phú chủ trì. Hội nghị đã dành nhiều thời gian bàn về công tác xây dựng Đảng và xây dựng Đoàn. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cần kíp mà Đảng phải làm, trong đó có việc phải nhanh chóng thành lập tổ chức Đoàn: “cần kíp tổ chức ra Cộng sản thanh niên Đoàn, Đảng cần kíp đánh tan cái thái độ hờ hững lãnh đạm với vấn đề đó. Lập tức các Đảng bộ địa phương phải mau mau tổ chức những ủy viên tổ chức ra Đoàn, đốc xuất cho chi bộ tổ chức; tổ chức cơ quan báo chương về việc vận động của Đoàn và phải chỉ đạo cho các chi bộ mới thành lập của Đoàn bắt đầu hoạt động trong quần chúng thanh niên... Trong một thời gian ngắn ngủi tới đây, Đảng bộ các địa phương phải gây ra cơ sở của Đoàn...”⁵⁵.

Ngày 20/4/1931, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đó, dòng đầu tiên của bức thư, Người nhắc nhở, phê bình: “đây là tôi phê bình về cuộc Hội nghị Xứ ủy Trung và Bắc”. Tiếp đó Nguyễn Ái Quốc nhắc nhở: “Ở Trung: tổ chức Đảng có trong 13 huyện và tỉnh. Nhưng chỉ có 03 huyện là có tổ chức thanh niên. Trong một huyện, thanh niên chỉ bằng một phần ba của Đảng, trong một huyện khác thì bằng một phần tư... Tổ chức ở Bắc thì yếu quá, trong một xứ công nghiệp như Bắc, chỉ có hai tỉnh là có công hội, bốn nơi có thanh niên. Tôi đề nghị:...trước tiên phải thống nhất tổ chức thanh

⁵⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, tập 3, tr. 91, 98, 99.

niên và công hội và những tổ chức đó phải có sinh hoạt độc lập của mình”⁵⁶.

Sau khi có Nghị quyết của Đảng và Chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, các chi bộ đảng ở địa phương đã cử ngay các cấp ủy viên của Đảng phụ trách công tác Đoàn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào thanh niên ngày càng lớn mạnh. Ở nước ta đã xuất hiện nhiều tổ chức Đoàn cơ sở trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, một số địa phương đã hình thành hệ thống tổ chức đoàn xã, huyện lên đến tỉnh. Đến cuối năm 1931, số lượng đoàn viên trong cả nước lên đến khoảng hơn 2.500 đồng chí⁵⁷. Qua cao trào cách mạng 1930 - 1931, với những đóng góp to lớn của đoàn viên, thanh niên cả nước, Ban Chấp hành Quốc tế thanh niên cộng sản đã công nhận Đoàn Thanh niên cộng sản Đông Dương là một bộ phận của Quốc tế thanh niên cộng sản.

Theo đề nghị của Ban Bí thư Trung ương Đoàn, được sự đồng ý của Bộ Chính trị và Bác Hồ, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đoàn (tháng 3/1961) đã quyết định lấy ngày 26/3/1931 (một trong những ngày cuối của Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ hai đã bàn và quyết định những vấn đề quan trọng đối với công tác vận động thanh niên) làm ngày kỷ niệm thành lập Đoàn hàng năm.

1.2. Quá trình phát triển của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

1.2.1. Các tên gọi của Đoàn qua các thời kỳ lịch sử

⁵⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập. 3, tr. 87, 89, 90.

⁵⁷ Lịch sử Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên Việt Nam, Nxb Thanh niên, 2007, tr.69

- Từ 1931 - 1936: Đoàn Thanh niên cộng sản Đông Dương.

- Từ 1936 - 1939: Đoàn Thanh niên dân chủ Đông Dương.

- Từ 1939 - 1941: Đoàn Thanh niên phản đế Đông Dương.

- Từ 1941 - 1956: Đoàn Thanh niên cứu quốc Việt Nam.

- Từ 1956 - 1970: Đoàn Thanh niên lao động Việt Nam.

- Từ 1970 - 1976: Đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh.

- Từ 1976 đến nay: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

1.2.2. Các kỳ Đại hội của Đoàn

** Đại hội Đại biểu Đoàn toàn quốc lần I.*

- Đại hội được tổ chức tại xã Cao Vân, Đại Từ, Thái Nguyên, thời gian từ ngày 07 đến ngày 14/02/1950. Hơn 400 đại biểu đã về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ Đại hội I.

+ Phong trào Tòng quân giết giặc lập công, tham gia dân quân du kích.

+ Phong trào Chống địch bắt lính.

+ Thi đua sản xuất trong nông nghiệp và công nghiệp.

+ Phong trào Thi đua lập công trong các lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ II.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 25/10 đến ngày 04/11/1956. Có 497 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu của Đoàn trong nhiệm kỳ Đại hội II.

+ Đoàn tham gia công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chi viện cho miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

+ Phong trào Đấu tranh chính trị, vũ trang của thanh niên miền Nam chống Mỹ, nguy và bè lũ tay sai.

** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 23 đến ngày 25/3/1961. Có 677 đại biểu đã về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ Đại hội III.

+ Phong trào “Thi đua vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất” (1961 - 1965).

+ Phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên miền Bắc.

+ Phong trào “Năm xung phong” của thanh niên miền Nam (1965 - 1975).

+ Phong trào “Quyết thắng” trong lực lượng vũ trang (năm 1965 - 1975; 1975 - 1980).

+ Phong trào Lao động tình nguyện xây dựng Tổ quốc và lao động tình nguyện vượt mức kế hoạch trong khu vực sản xuất (1975 - 1980).

+ Phong trào Học tập trong các tầng lớp thanh niên, “xây dựng tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa” trong các trường học (1975 - 1980).

+ Phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” (1978 - 1980).

+ Cuộc vận động “Ba mũi tấn công chống tiêu cực” và “Toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng” (1978 - 1980).

+ Phong trào “Thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (1979 - 1980).

** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.*

- Đại hội tổ chức tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội từ ngày 20 đến ngày 22/11/1980. Có 623 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ đại hội VI.

+ Ba chương trình hành động cách mạng (1982 - 1983):

- Chương trình Tuổi trẻ đẩy mạnh sản xuất lương thực.
- Chương trình Tuổi trẻ thực hành tiết kiệm.
- Chương trình Tham gia giải quyết việc làm cho thanh niên.

+ Năm chương trình hành động cách mạng của tuổi trẻ (1984 - 1987):

• Chương trình Tuổi trẻ học tập, rèn luyện xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

• Chương trình Tuổi trẻ xung kích đẩy mạnh sản xuất lương thực và phát triển nông nghiệp toàn diện.

• Chương trình Tuổi trẻ lao động sáng tạo, tiết kiệm và giải quyết việc làm cho thanh niên.

• Chương trình Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận cải tạo xã hội chủ nghĩa và phân phối lưu thông.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ V.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 27 đến ngày 30/11/1987. Có 750 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ Đại hội V.

+ Phong trào “Tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

+ Tuổi trẻ xung kích và sáng tạo trên mặt trận kinh tế, thực hiện thắng lợi ba chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Tuổi trẻ đi đầu thực hiện các chính sách xã hội và đấu tranh cho công bằng xã hội.

+ Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận anh ninh, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

+ Tuổi trẻ học tập và tiến quân khoa học kỹ thuật.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ VI.*

- Đại hội tổ chức tại Hội trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18/10/1992. Có 797 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ đại hội VI.

+ Thực hiện bốn chương trình hành động:

• Chương trình Thanh niên làm kinh tế, tham gia giải quyết việc làm.

• Chương trình Thanh niên tham gia bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

• Chương trình Xây dựng Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng.

+ Phát động hai phong trào lớn “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước” (tháng 2/1993).

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ VII.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 26 đến ngày 29/11/1997. Có 899 đại biểu về dự.

- Đại hội tiếp tục duy trì và phát triển nâng cao hai phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ VIII.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 08 đến ngày 11/12/2002. Có 898 đại biểu về dự.

- Đại hội VIII phát động phong trào “Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” với các nội dung:

+ Thi đua học tập, tiến quân vào khoa học - công nghệ.

+ Thi đua lập nghiệp, lao động sáng tạo.

+ Tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

+ Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ IX.*

- Đại hội được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 17 đến ngày 21/12/2007. Có 1034 đại biểu về dự.

- Các phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ đại hội Đoàn IX:

+ Phong trào 5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc:

- Xung kích lao động sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội.

- Xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

- Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

- Xung kích thực hiện cải cách hành chính.

- Xung kích trong hội nhập quốc tế.

+ Phong trào 4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp:

- Đồng hành với thanh niên trong học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ.

- Đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp và việc làm.

- Đồng hành với thanh niên trong nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống văn hóa tinh thần.

- Đồng hành với thanh niên trong phát triển kỹ năng xã hội.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ X.*

- Đại hội được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 11 đến ngày 14/12/2012. Có 999 đại biểu về dự.

- Đại hội tiếp tục kế thừa và phát triển phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “4 Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp” thành phong trào:

+ Phong trào Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

- Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

- Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- + Xung kích lao động sáng tạo, làm chủ khoa học công nghệ.

- Xung kích bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

- + Phong trào Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp.

- Đồng hành với thanh niên trong học tập.

- Đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp, việc làm.

- Đồng hành với thanh niên nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống tinh thần.

- Đồng hành với thanh niên phát triển kỹ năng xã hội.

* Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ XI.

- Đại hội được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 10 đến ngày 13/12/2017. Có 999 đại biểu về dự.

- Toàn Đoàn triển khai 3 phong trào hành động cách mạng:

- + Phong trào Thanh niên tình nguyện.

- + Phong trào Tuổi trẻ sáng tạo.

- + Phong trào Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc.

- Toàn Đoàn triển khai 3 chương trình đồng hành với thanh niên:

- + Chương trình Đồng hành với thanh niên trong học tập.

+ Chương trình Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp.

+ Chương trình Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần.

1.2.3. Những truyền thống vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII (tháng 12/2002) đã tổng kết những truyền thống vinh quang của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và thế hệ trẻ Việt Nam với các nội dung sau:

Một là, truyền thống yêu nước nồng nàn, gắn bó thiết tha, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa. Truyền thống quý báu này đã tạo nên động lực tinh thần vô giá xuyên suốt các thời kỳ lịch sử được thể hiện trong hành động cách mạng, nhất là ở những bước ngoặt của lịch sử gần 90 năm qua.

Hai là, truyền thống của đội quân xung kích cách mạng, dám đón lấy những nhiệm vụ nặng nề, dám đi đến những nơi khó khăn, gian khổ, dám suy nghĩ sáng tạo...để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “*Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên*”, thế hệ trẻ nước ta luôn nêu cao tinh thần hăng hái, sẵn sàng xung phong đến những nơi Tổ quốc cần, dù đó là biên cương hay hải đảo, dù công việc đó là mới mẻ hay khó khăn.

Ba là, truyền thống gắn bó đoàn kết trong lớp người cùng lứa tuổi, trong các tổ chức Đoàn, Hội; đoàn kết gắn bó

với Nhân dân; thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong hoạn nạn, đặc biệt là những thời điểm phải đối mặt với kẻ thù hay thiên tai. Đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế luôn hòa quyện vào nhau, đồng cảm và đồng tâm hợp lực vì những mục tiêu cao cả của dân tộc và thời đại.

Bốn là, truyền thống hiếu học, ham hiểu biết để tự mình nâng cao trình độ, chính trị văn hóa, khoa học, kỹ thuật, quản lý và quân sự... say mê sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, để cống hiến cho sự nghiệp của dân tộc và của Đảng. Học ở nhà trường, học trong cuộc sống, học để làm người có ích cho xã hội, luôn được các thế hệ thanh niên phấn đấu, thực hiện ngày càng tốt hơn⁵⁸.

II- KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái niệm

Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI nêu rõ: “Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

2.2. Vị trí, vai trò

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật

⁵⁸ Xem: “*Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Phong trào thanh niên Việt Nam*” (1925 - 2012), Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2012, tr.950, 951.

của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các tập thể và gia đình chăm lo giáo dục, đào tạo và bảo vệ thanh thiếu nhi; tổ chức cho đoàn viên thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

Vị trí, vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong được thể hiện ở các mối quan hệ sau đây:

2.2.1. Mối quan hệ của Đoàn đối với Đảng

Đoàn là đội dự bị tin cậy của Đảng, đội quân xung kích cách mạng phấn đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Tổ chức Đoàn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối của Đảng. Đảng định hướng chính trị cho mọi hoạt động, nguyên tắc tổ chức của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Đảng chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ trẻ có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho Đảng.

Đoàn tham mưu, đề xuất với Đảng về những vấn đề liên quan đến thanh niên và công tác thiếu nhi, tham gia xây dựng, bảo vệ và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, đóng góp ý kiến cho đảng viên và sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Đoàn tham gia giám sát, phản biện các chủ trương, đường lối của Đảng.

Mối quan hệ giữa Đảng với Đoàn là mối liên hệ gắn bó chặt chẽ. “Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước”.

2.2.2. Mối quan hệ của Đoàn với Nhà nước

Tổ chức Đoàn chịu sự quản lý chung của Nhà nước đối với toàn xã hội; mọi hoạt động của Đoàn nằm trong khuôn

khổ của Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hằng năm của các cấp, các ngành. Nhà nước bảo đảm nguồn kinh phí, phương tiện làm việc và hoạt động cho Đoàn.

Đoàn Thanh niên là chỗ dựa vững chắc, tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ chính quyền nhân dân các cấp; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động đoàn viên thanh niên xung phong, tình nguyện đi đầu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trực tiếp tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đoàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, thông qua hệ thống tổ chức đoàn các cấp từ trung ương đến cơ sở để đề cử những đại biểu ưu tú nhất đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của tuổi trẻ vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Đoàn vận động, tuyên truyền, giáo dục đoàn viên trở thành những công dân tốt, gương mẫu, có ích cho xã hội; tích cực, tự giác thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Đoàn tham gia giám sát, phản biện các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đối với các ban, ngành, tổ chức đoàn phối hợp, liên kết hoạt động trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, dựa trên đường lối, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về công tác thanh niên, tạo sức mạnh đồng bộ trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

2.2.3. Mối quan hệ của Đoàn với các tổ chức là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Đoàn tích cực, chủ động liên kết, phối hợp hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ tập hợp đoàn kết, giáo dục, phát huy và chăm lo cho thanh thiếu nhi.

Đoàn Thanh niên là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - một liên minh chính trị rộng lớn, tập hợp, xây dựng lực lượng đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đoàn là lực lượng phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể khác góp phần thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Tham gia xây dựng các cơ chế hoạt động trong quản lý giáo dục, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh thiếu nhi.

2.2.4. Mối quan hệ của Đoàn với thanh niên và các tổ chức thanh niên Việt Nam

Đối với thanh niên, Đoàn là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên; tạo ra môi trường hoạt động lành mạnh cho thanh niên; định hướng các hoạt động của thanh niên theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật; chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thanh niên.

Đối với các tổ chức thanh niên Việt Nam, Đoàn là thành viên tập thể của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, giữ vai trò nòng cốt chính trị trong tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...

2.2.5. Mối quan hệ của Đoàn với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

Đối với thiếu niên nhi đồng, Đoàn là người phụ trách, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ thiếu niên nhi đồng. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh quy định: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, hướng dẫn thiếu nhi làm theo 5 điều Bác Hồ dạy và phấn đấu trở thành đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, người công dân tốt của đất nước.

Đoàn cử đội ngũ cán bộ đoàn phụ trách công tác Đội; thành lập hệ thống tổ chức Hội đồng Đội các cấp có nhiệm vụ tổ chức, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của thiếu nhi ở mỗi cấp; tạo ra các sân chơi cho thiếu nhi, huy động lực lượng xã hội trong việc đầu tư, hỗ trợ cho Đội hoạt động.

2.3. Tính chất cơ bản

2.3.1. Tính chính trị

Đoàn là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, là thành viên của hệ thống chính trị. Với tư cách là tổ chức quần chúng, Đoàn gần Đảng nhất, là đội dự bị tin cậy của Đảng, Đoàn đứng vững trên những quan điểm, lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quá trình tổ chức và hoạt động của mình.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lấy mục tiêu lý tưởng của Đảng làm mục tiêu phấn đấu của tổ chức mình là “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được Đảng trực tiếp lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đoàn là lực lượng xung kích đi đầu trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước.

2.3.2. Tính tiên tiến

Với tư cách là đội dự bị của Đảng, là người chủ tương lai của nước nhà, mỗi đoàn viên của Đoàn là những hạt nhân nòng cốt trong mọi sinh hoạt, công tác, hoạt động của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và phong trào thanh thiếu nhi. Tính tiên tiến thể hiện trước hết ở tinh thần: Đâu Đảng, Tổ quốc cần thanh niên có; việc gì khó thanh niên làm.

Tính tiên tiến thể hiện ở việc tiên phong, xung kích, tình nguyện, tự nguyện, tự giác trong tất cả các hoạt động của Đoàn, Hội, tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đoàn luôn đi đầu trong việc mới, trước mọi khó khăn gian khổ, trong những môi trường thử thách, đòi hỏi tính sáng tạo, đổi mới, trong những lĩnh vực khoa học, công nghệ mới.

Tính tiên tiến còn thể hiện trong việc xây dựng và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, kế tục truyền thống cách mạng của các thế hệ cha ông; đấu tranh với các quan điểm sai trái đi ngược lại lợi ích của Đảng, Nhà nước và dân tộc; bênh vực, bảo vệ chân lý, chống lại những thói hư tật xấu trong xã hội, chống tiêu cực, tham nhũng; lãng phí; đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của thanh thiếu nhi.

2.3.3. Tính quần chúng

Tính quần chúng của tổ chức Đoàn thể hiện trước hết là: ở đâu có thanh niên, ở đó có định hướng chính trị, giúp đỡ, tư vấn, đồng hành cùng thanh niên của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Tổ chức Đoàn quy tụ, đoàn kết tập hợp thanh niên không phân biệt giai cấp, tôn giáo, vùng miền. Đoàn là người gần gũi với thanh niên, là bạn của thanh niên, luôn

đồng hành cùng với thanh niên trong mọi lĩnh vực cuộc sống.

Tính quần chúng rộng rãi của Đoàn Thanh niên được thể hiện thông qua những hoạt động công tác đoàn, hội và phong trào thanh thiếu niên. Những hoạt động đó không chỉ lan tỏa đến những đoàn viên, hội viên mà còn ảnh hưởng đến cả những thanh niên chưa có điều kiện trở thành đoàn viên, hội viên.

Tính quần chúng còn được thể hiện ở chỗ Đoàn là thành viên tập thể của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, đóng vai trò nòng cốt, định hướng chính trị cho hoạt động của Hội.

2.4. Chức năng cơ bản

2.4.1. Là đội dự bị tin cậy, đội quân xung kích cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đoàn Thanh niên là một trong những tổ chức quần chúng gần Đảng nhất. Với tư cách là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên, Đảng trực tiếp giao cho Đoàn giáo dục, giúp đỡ những thanh niên tiên tiến, trở thành đoàn viên, từ những đoàn viên ưu tú trở thành đảng viên, là nơi bổ sung nguồn sinh lực mới cho Đảng.

Đoàn tuyên truyền giáo dục lý tưởng của Đảng, giới thiệu để thanh niên nhận thức và hiểu sâu sắc về Đảng, về tình hình nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ; cổ vũ và tập hợp đoàn viên thanh niên tích cực xung kích thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng; đóng góp ý kiến cho Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên; giới thiệu những cán bộ, đoàn viên ưu tú tham gia vào các cơ quan cấp ủy Đảng, bổ sung đội ngũ cán bộ cho Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân;

tích cực tham gia cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

Đoàn là đội quân xung kích cách mạng của Đảng, đi đầu trong mọi khó khăn trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trong tất cả các mặt trận lao động, sản xuất, học tập, nghiên cứu khoa học, làm công tác xã hội và bảo vệ Tổ quốc đều có vai trò đóng góp to lớn của thế hệ trẻ. Ở mọi nơi, mọi lĩnh vực, Đoàn Thanh niên đều tỏ rõ tính xung kích, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám đi vào việc mới, việc khó, dám xả thân vì lý tưởng cách mạng.

2.4.2. Trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên

Là tổ chức chính trị - xã hội, là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, vì thanh niên, Đoàn tạo môi trường giúp thanh niên phát huy vai trò xung kích trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; tổ chức các phong trào, các cuộc vận động và các hoạt động hướng tới mục tiêu đoàn kết, tập hợp, giáo dục thanh niên, tạo môi trường lành mạnh, an toàn cho thanh niên rèn luyện và tự khẳng định, vì sự tiến bộ của thanh niên đối với sự phát triển của đất nước.

Đoàn giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đoàn viên thanh niên, từ đó giác ngộ lý tưởng cách mạng của Đảng, của Đoàn, của dân tộc, rèn luyện nên những cán bộ, đoàn viên trẻ tuổi có tâm huyết, có trình độ, bản lĩnh chính trị và sống có lý tưởng.

Đoàn đưa tuổi trẻ vào rèn luyện trong môi trường tập thể có tổ chức, có kỷ luật. Chính từ môi trường hoạt động theo định hướng, có mục tiêu đã bồi dưỡng, rèn luyện nên nhiều lớp cán bộ trong các thời kỳ cách mạng, nhiều lớp thanh niên đã trưởng thành, trở thành các cán bộ khoa học,

nhà quản lý, nhà giáo, văn nghệ sĩ, các doanh nhân ưu tú... đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đoàn Thanh niên tạo ra một trường học thực tế bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức, hoàn thiện nhân cách, giúp thanh niên trở thành đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Đảng và giới thiệu đội viên ưu tú để kết nạp vào Đoàn.

2.4.3. Đại diện chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tuổi trẻ

Đoàn tạo mọi điều kiện cần thiết, từng bước đáp ứng nhu cầu chính đáng về đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên giúp đoàn viên thực hiện tốt mọi quyền lợi và nghĩa vụ đảm bảo sự công bằng trong học tập, lao động trước pháp luật và công luận.

Đoàn có nhiệm vụ khuyến khích bảo vệ và phát huy những mặt tích cực của đoàn viên thanh niên giúp họ trưởng thành về mọi mặt. Đồng thời chống những hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội góp phần bảo vệ nhân cách, sự phát triển về thể chất và tinh thần của đoàn viên thanh niên.

Tổ chức Đoàn đại diện cho đoàn viên, thanh thiếu niên trước pháp luật về việc bảo vệ những quyền lợi lợi ích hợp pháp chính đáng của thanh thiếu nhi được pháp luật quy định; tham mưu xây dựng những cơ chế, chính sách liên quan đến sự phát triển của thanh niên.

2.4.4. Phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (tháng 3-1931), Đảng có những quyết định về công tác

thanh niên và Đoàn được Đảng giao phụ trách thiếu nhi. Đó là xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và từ bản chất của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh là tổ chức của thiếu nhi Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phụ trách. Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh là trường học giáo dục thiếu nhi Việt Nam trong và ngoài nhà trường; lực lượng nòng cốt trong các phong trào thiếu nhi.

Chức năng phụ trách Đội được thể hiện qua việc quyết định phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp công tác Đội và phong trào thiếu nhi, đẩy mạnh xã hội hoá sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em, huy động sức mạnh của xã hội chăm lo cho các em. Đoàn hướng dẫn, tạo điều kiện cho Đội hoạt động, đề cao vị trí xã hội của tổ chức Đội. Đoàn cử những đoàn viên, cán bộ đoàn có năng lực làm phụ trách Đội trong trường học và trên các địa bàn dân cư, ở các đơn vị, cơ quan, xí nghiệp...

2.5. Hệ thống tổ chức và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

2.5.1. Hệ thống tổ chức

Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh quy định: hệ thống tổ chức của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm 4 cấp:

- Cấp Trung ương.
- Cấp tỉnh và tương đương.
- Cấp huyện và tương đương.
- Cấp cơ sở (gồm Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở).

2.5.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này được thể hiện:

Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo của Đoàn ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đoàn viên ở cấp ấy. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành do đại hội Đoàn cùng cấp bầu ra, giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Ban Thường vụ do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ không quá một phần ba (1/3) số lượng ủy viên Ban Chấp hành. Ở cấp Trung ương, số lượng Bí thư Trung ương Đoàn không quá một phần ba (1/3) số lượng ủy viên Ban Thường vụ.

Nghị quyết của Đoàn phải được chấp hành nghiêm chỉnh, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức.

Trước khi quyết định các công việc và biểu quyết nghị quyết của Đoàn, các thành viên đều được cung cấp thông tin và phát biểu ý kiến của mình, ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên Đoàn cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết hiện hành.

Đại hội, hội nghị của các cơ quan lãnh đạo của Đoàn chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên được triệu tập tham dự.

Trường hợp thành viên được triệu tập theo cơ chế đại biểu thì phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số đại biểu và thay mặt cho ít nhất hai phần ba (2/3) số tổ chức Đoàn trực thuộc tham dự. Quyết định của đại hội, hội nghị chỉ có giá trị khi được sự đồng ý của trên một phần hai (1/2) số thành viên có mặt.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Xây dựng Đoàn về chính trị, tư tưởng

- Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi. Toàn Đoàn tiếp tục tập trung triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030”.

- Tuyên truyền, giáo dục thanh niên sống có lý tưởng cách mạng, có niềm tin và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

- Kiên trì, sáng tạo và thực chất trong việc tổ chức cho cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị trong cán bộ, đoàn viên, thanh niên. Tổ chức học tập các bài học lý luận chính trị cho cán bộ, đoàn viên.

- Triển khai các giải pháp thiết thực, phù hợp giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho thanh thiếu nhi.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi. Triển khai hiệu quả cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị của Đoàn, của cán bộ đoàn, đoàn viên. Chủ động đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, chống phá. Triển khai chương trình “Rèn luyện đoàn viên”.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, mạng xã hội trong triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của Đoàn.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và định hướng dư luận trong thanh niên thông qua mạng lưới thăm dò dư luận, đối thoại trực tiếp, ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội.

3.2. Xây dựng Đoàn về tổ chức

- Chất lượng cán bộ đoàn là trọng tâm. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn có chất lượng, trưởng thành từ phong trào thanh niên. Thực hiện tốt tất cả các khâu của công tác cán bộ, nhất là công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Thực hiện hiệu quả chủ trương “1+2”, cán bộ đoàn cấp trung ương và cấp tỉnh 01 năm tối thiểu có 02 tháng công tác tại cơ sở.

- Nâng cao chất lượng cơ sở đoàn là đột phá. Xây dựng và triển khai các giải pháp có tính đột phá trong nâng cao chất lượng đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới mô hình và tổ chức hoạt động của Đoàn đáp

ứng yêu cầu của tình hình mới, trọng tâm là tổ chức Đoàn trên địa bàn dân cư.

- Thực hiện tốt chủ trương “1+1”, mỗi đoàn viên giới thiệu được ít nhất 01 thanh niên tham gia Đoàn, Hội nhằm phát huy vai trò nêu gương, nòng cốt của đoàn viên trong thu hút, tập hợp, đoàn kết thanh niên.

- Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đoàn. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát để góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đoàn.

- Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, kiên trì thực hiện phương châm “Đoàn mạnh, Hội rộng”.

- Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và hệ thống chính trị là trách nhiệm và quyền lợi chính trị của đoàn viên, thanh niên và tổ chức đoàn, là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp bộ đoàn.

3.3. Xây dựng Đoàn về hành động

Nội dung đặc biệt quan trọng trong xây dựng Đoàn là tổ chức các chương trình, các phong trào hành động cách mạng cổ vũ, phát huy thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI phát động triển khai 3 phong trào hành động cách mạng và 3 chương trình đồng hành với thanh niên.

3.3.1. Phong trào “Thanh niên tình nguyện”

- Tình nguyện chung tay xây dựng nông thôn mới.
- Tình nguyện tham gia xây dựng đô thị văn minh.

- Tình nguyện bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tình nguyện tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

- Tình nguyện đảm bảo an sinh xã hội.

3.3.2. Phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”

- Sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học.

- Sáng tạo trong lao động, sản xuất, kinh doanh.

- Sáng tạo trong công tác, phục vụ nhân dân.

- Sáng tạo trong đời sống sinh hoạt.

3.3.3. Phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”

- Xung kích trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

- Xung kích tham gia thực hiện các chương trình, dự án, cuộc vận động hướng về biên giới, biển đảo, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

- Xung kích tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- Xung kích tham gia đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn dân cư.

3.3.4. Đồng hành với thanh niên trong học tập

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, các cuộc thi, hội nghị, phát triển các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động tập hợp, kết nối, đồng hành với sinh viên, giáo viên trẻ.

- Duy trì và phát huy hiệu quả các quỹ khuyến học, khuyến tài, các học bổng, giải thưởng, hỗ trợ thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học.

- Cổ vũ, động viên, khuyến khích, hỗ trợ thanh niên học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề.

- Tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ thanh niên trong học tập và tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục đào tạo.

3.3.5. Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp

- Triển khai hiệu quả chương trình Thanh niên khởi nghiệp.

- Tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm.

- Hỗ trợ thanh niên nâng cao kiến thức, kỹ năng tạo việc làm.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm do Đoàn quản lý.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn để hỗ trợ vay vốn cho thanh niên làm kinh tế.

3.3.6. Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần

- Giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử, giải quyết vấn đề, phản biện, làm việc nhóm, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, công nghệ số, kỹ năng hội nhập.

- Phát triển sâu rộng các hoạt động rèn luyện thể dục thể thao trong thanh niên.

- Tổ chức các chương trình giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên, chống nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, phòng chống HIV/AIDS trong thanh niên.

- Tổ chức đa dạng các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong thanh niên.

- củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa thể thao của Đoàn.

IV. ĐOÀN VIÊN PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4.1. Đoàn viên rèn luyện, phấn đấu theo chương trình “Rèn luyện đoàn viên”

4.1.1. Rèn luyện về lý tưởng cách mạng, nhận thức chính trị

Đoàn viên rèn luyện, học tập để nắm vững lý luận, xây dựng nhận thức chính trị đúng đắn, bồi đắp lý tưởng và đạo đức cách mạng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giàu lòng yêu nước.

Các nội dung đoàn viên lựa chọn đăng ký rèn luyện:

- Học tập các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của cấp ủy, địa phương, đơn vị; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ XI và nghị quyết đại hội đoàn các cấp; các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đoàn; các kết luận của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

- Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Hướng dẫn số 87-HD/TWĐTN-BTG ngày 28/3/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc thực

hiện Chỉ thị số 05 ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khoá XII (*cụ thể hoá qua những nhiệm vụ, công việc, hành động...trong cuộc sống hằng ngày của đoàn viên*).

- Học tập các bài học lý luận chính trị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (theo hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn).

- Thường xuyên nắm bắt thông tin thời sự, chính trị, xã hội của địa phương, đất nước, khu vực và quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng chính thống.

- Đấu tranh với những luận điểm xuyên tạc, âm mưu “*diễn biến hoà bình*” nhằm phá hoại sự nghiệp của Đảng, của dân tộc; không bị tác động bởi những thông tin tiêu cực trên mạng internet...

- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, góp ý với đảng viên phòng chống tham nhũng, lãng phí, chống suy thoái về đạo đức lối sống “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong nội bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII của Đảng.

4.1.2. Rèn luyện về đạo đức, lối sống, tác phong đoàn viên

Xây dựng người đoàn viên có những phẩm chất tốt đẹp, trong sáng, gương mẫu về đạo đức, lối sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, tổ chức, quê hương và đất nước.

Các nội dung đoàn viên lựa chọn đăng ký rèn luyện:

- Sống giản dị, lành mạnh, chân thành, *biết lắng nghe, chia sẻ, cộng đồng trách nhiệm*, không mắc các tệ nạn xã hội. Có kỹ năng thực hành xã hội cần thiết (Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, điều hành, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày...).

- Yêu thương quý trọng con người, sống có văn hoá, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, nhân ái; có tinh thần dũng cảm bảo vệ cái đúng, tiến bộ; đấu tranh với cái sai, lạc hậu, cản trở sự phát triển.

- Nói đi đôi với làm; nói thật, làm thật; trung thực, tận tụy phục vụ nhân dân, tôn trọng nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

- Đoàn kết, thẳng thắn, nghiêm túc trong phê bình và tự phê bình.

- Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; vận động gia đình, bạn bè cùng tham gia thực hiện.

4.1.3. Rèn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ

Đoàn viên không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao kiến thức, vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, giỏi kỹ năng nghề nghiệp; sáng tạo trong lao động, lập thân, khởi nghiệp, xung kích, tình nguyện xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Các tiêu chí đoàn viên lựa chọn đăng ký rèn luyện:

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc; sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Có ý tưởng, sáng kiến, giải pháp hữu ích trong công việc để nâng cao hiệu quả, hiệu suất lao động; ứng dụng khoa học công nghệ vào công việc, lao động, sản xuất.

- Đăng ký học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp (*khuyến khích các hình thức tự học tập trang bị kiến thức theo nhu cầu bản thân*).

- Phát huy chuyên môn trong các hoạt động tình nguyện.

- Học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học.

* Các tiêu chí rèn luyện về chuyên môn nghiệp vụ cụ thể đối với từng đối tượng đoàn viên có thể lựa chọn đăng ký rèn luyện:

- *Đoàn viên công nhân*: Rèn luyện nâng cao trình độ tay nghề; kỹ năng nghề nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong lao động, sản xuất kinh doanh; chấp hành kỷ luật lao động; tích cực xây dựng văn hóa doanh nghiệp; đề xuất ý tưởng, sáng kiến trong lao động, sản xuất.

- *Đoàn viên là doanh nhân trẻ*: Nâng cao kiến thức chuyên môn, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, chủ động hội nhập, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển bền vững doanh nghiệp. Tích cực tham gia các hoạt động chung sức vì cộng đồng.

- *Đoàn viên nông dân*: Tích cực lao động sản xuất; có mô hình phát triển kinh tế gắn với địa phương; tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới; tham gia giữ gìn bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- *Đoàn viên là cán bộ, công chức, viên chức*: Tích cực thực hiện phong trào "Ba trách nhiệm"; nghiêm túc, cầu thị, tận tâm với công việc; thường xuyên rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, tiên phong trong chuẩn hoá các văn bản, đơn giản hoá các thủ tục, tham gia cải cách hành chính; sáng tạo, đề xuất ý tưởng, sáng kiến, giải pháp hữu ích trong công tác phục vụ nhân dân, xã hội..; xây dựng văn hóa, văn minh công sở.

- *Đoàn viên là giáo viên, giảng viên*: Tích cực học tập, nghiên cứu khoa học, sáng tạo nhằm trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để dạy tốt; xây dựng hình ảnh nhà giáo mẫu mực; xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- *Đoàn viên học sinh, sinh viên*: Tích cực trong học tập,

trung thực trong thi cử; có nhiều ý tưởng, sáng kiến; tham gia nghiên cứu khoa học, thi tay nghề, tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ học thuật. Đoàn viên là sinh viên nắm vững tiêu chí và phấn đấu đạt danh hiệu "Sinh viên 5 tốt"; đoàn viên là học sinh khối Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề nắm vững tiêu chí và phấn đấu đạt danh hiệu "Học sinh 3 rèn luyện"; đoàn viên là học sinh THPT nắm vững tiêu chí và phấn đấu đạt danh hiệu "Học sinh 3 tốt"...

- *Đoàn viên lực lượng vũ trang*: Tích cực rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu; xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, xung kích, sáng tạo, tình nguyện, lập công đảm bảo an ninh trật tự, giữ vững an ninh, quốc phòng.

- *Đoàn viên là đối tượng khác*: căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của bản thân, trên cơ sở định hướng của chi đoàn, đoàn viên chủ động đăng ký nội dung rèn luyện cho phù hợp thực tiễn.

4.1.4. Rèn luyện về sức khỏe

Đoàn viên rèn luyện để tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, tầm vóc tạo sự phát triển hài hòa cả về thể lực và trí lực.

Các nội dung đoàn viên lựa chọn đăng ký rèn luyện:

- Tham gia chơi ít nhất một môn thể thao, có chế độ rèn luyện thường xuyên.

- Tích cực tham gia các phong trào thể dục thể thao quần chúng tại địa phương, đơn vị.

- Không sử dụng ma túy và các chất gây nghiện. Hạn chế uống bia, rượu và không hút thuốc lá (*đối với đoàn viên dưới 18 tuổi không uống bia, rượu, hút thuốc lá*).

4.1.5. Rèn luyện ý thức trong xây dựng tổ chức Đoàn

Đoàn viên rèn luyện để trở thành đoàn viên xuất sắc, góp phần xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh.

Các nội dung đoàn viên lựa chọn đăng ký rèn luyện:

- Tham dự đầy đủ, tích cực đóng góp ý kiến tại các buổi sinh hoạt chi đoàn, đóng đoàn phí đầy đủ.

- Chấp hành sự phân công của ban chấp hành chi đoàn; tham gia các hoạt động do Đoàn tổ chức, các hoạt động tình nguyện, các cuộc vận động do Trung ương Đoàn và đoàn cấp trên phát động.

- Thực hiện chủ trương 1+1, vận động được ít nhất 01 thanh niên tham gia vào tổ chức Đoàn, Hội.

- Phát ngôn đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, của Đoàn; xây dựng kỹ năng nắm bắt thông tin dư luận xã hội, khả năng phản biện xã hội nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức Đoàn, cán bộ Đoàn và đoàn viên, thanh thiếu nhi, nhất là trên không gian mạng Internet.

4.2. Đoàn viên phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

4.2.1. Xác định động cơ vào Đảng đúng đắn

- Phấn đấu vào Đảng là để được đứng trong một tổ chức của những người cùng chung chí hướng đấu tranh xây dựng một xã hội mới tốt đẹp: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Để có động cơ vào Đảng đúng đắn, cần hiểu sâu sắc bản chất, mục đích của Đảng, tích cực góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ do Đảng đề ra; thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vụ lợi.

- Xây dựng động cơ vào Đảng đúng đắn để vượt qua được những thử thách, sự cám dỗ vật chất và những thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

4.2.2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng

- Để có bản lĩnh chính trị vững vàng, người đoàn viên phấn đấu vào Đảng cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, giữ vững niềm tin. Trước khó khăn không nao núng tinh thần, không mất phương hướng chính trị và có thái độ, chính kiến rõ ràng, kiên định.

- Tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Thường xuyên tự rèn luyện mình qua thực tế sản xuất, công tác, hoạt động chính trị - xã hội.

- Cùng với rèn luyện bản lĩnh chính trị, cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng. Xây dựng đạo đức cách mạng phải đi đôi với chống chủ nghĩa cá nhân.

4.2.3. Nâng cao năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của mình và nhiệm vụ được tổ chức đoàn giao cho, bảo đảm đạt chất lượng, hiệu quả cao.

- Nâng cao năng lực trí tuệ và năng lực thực tiễn; không ngừng học tập, thường xuyên tiếp nhận những hiểu biết mới để đủ kiến thức đáp ứng các yêu cầu do thực tiễn đặt ra.

- coi trọng việc học tập chính trị cùng với chuyên môn, nghiệp vụ. Chống lười học tập, hoặc học lấy lệ, chỉ cốt lấy bằng cấp, không thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu.

4.2.4. Gắn bó với tập thể, với Nhân dân, tích cực tham gia hoạt động đoàn thể, công tác xã hội

- Phải gắn bó với tập thể, với Nhân dân với đồng nghiệp, bạn bè trong đơn vị công tác, với bà con làng xóm, khối phố, tôn trọng, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau.

- Nhiệt tình tham gia sinh hoạt đoàn, phấn đấu trở thành đoàn viên ưu tú.

- gương mẫu và vận động gia đình, người thân tham gia các phong trào, các hoạt động xã hội, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phát huy truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc; chống tệ nạn xã hội quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

4.2.5. Tích cực tham gia xây dựng đảng ở cơ sở

- Tích cực hưởng ứng các phong trào, hoạt động triển khai thực hiện chủ trương nhiệm vụ do đảng bộ, chi bộ đề ra với tinh thần chủ động sáng tạo, nỗ lực phấn đấu cao nhất.

- Nắm bắt tình hình thực tế, nắm bắt tình hình tư tưởng của quần chúng nhân dân, kết quả thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, kịp thời phản ánh, đề xuất với tổ chức đảng.

- Tích cực và mạnh dạn tham gia góp ý kiến đối với sự lãnh đạo của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Tham gia ý kiến khi được hỏi về việc giới thiệu những đảng viên ưu tú, đủ tiêu chuẩn để tổ chức đảng xem xét, bầu vào cấp uỷ; giới thiệu những quần chúng ưu tú có đủ điều kiện để tổ chức đảng xét kết nạp.

- Tham gia góp ý kiến đối với hoạt động của chính quyền và đoàn thể, góp phần xây dựng cơ sở chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Tích cực và kiên quyết đấu tranh bảo vệ Đảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở, đơn vị.

V. THANH NIÊN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI

5.1. Bối cảnh tác động, thời cơ, thách thức đối với thanh niên Việt Nam

5.1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến thanh niên Việt Nam

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đưa nước ta ra khỏi khu vực kém phát triển, tạo tiền đề quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kinh tế nước ta từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị đang đặt ra ngày càng cấp thiết. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại; bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn; một số địa bàn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến rất phức tạp nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0), khởi nghiệp sáng tạo đang là một xu thế lớn. Kinh tế các nước trên thế giới đã dần dần phục hồi

sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường.

Hợp tác quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế là xu thế tất yếu, tạo ra nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây ra những thử thách không nhỏ cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Cạnh tranh kinh tế - thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ nano sẽ phát triển mạnh mẽ và sẽ có những bước nhảy vọt, thời gian từ phát minh đến ứng dụng ngày càng thu hẹp.

5.1.2. Thời cơ đối với thanh niên Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đánh giá cao vị trí vai trò quan trọng của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đảng xác định: “Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁵⁹. Xuất phát từ quan điểm đó, Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và toàn xã hội luôn dành sự quan tâm, chăm lo đặc biệt, giáo dục, bồi dưỡng; đặt niềm tin sâu sắc, kỳ vọng to lớn, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển, trưởng thành, phát huy mọi tiềm năng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

⁵⁹ Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

Nhà nước tăng cường quản lý công tác thanh niên thông qua việc triển khai, thực hiện Luật Thanh niên, Chiến lược phát triển thanh niên và nhiều chính sách thích hợp khác nhằm bồi dưỡng, phát huy thanh niên và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác thanh niên; quá trình xã hội hóa công tác thanh niên ngày càng được triển khai rộng rãi, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để bồi dưỡng và phát huy thanh niên.

Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế diễn ra sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nền kinh tế tri thức hiện nay là cơ hội, môi trường thuận lợi để thanh niên Việt Nam thể hiện và khẳng định tài năng, trí tuệ, bản lĩnh tuổi trẻ, cống hiến cho sự phát triển của đất nước. Với đường lối đúng đắn của Đảng, đất nước tiếp tục ổn định chính trị - xã hội, kinh tế phát triển, vị thế không ngừng tăng lên đã tạo cơ hội lớn cho thanh niên học tập, tiếp cận văn minh nhân loại, nâng cao tri thức nhất là những thành tựu khoa học - công nghệ.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh không ngừng lớn mạnh, các hoạt động của Đoàn bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước, phù hợp với từng đối tượng thanh niên, phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của tuổi trẻ trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đoàn từng bước quan tâm, chăm lo tốt hơn các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của thanh niên, trở thành người bạn gần gũi của thanh niên.

5.1.3. Thách thức đối với thanh niên Việt Nam

Trong xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, thách thức đặt ra đối với thanh niên là phải nhanh chóng vươn lên

ngang tầm thời đại, có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, tiếp cận và nắm vững khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, và các ngành công nghệ mũi nhọn khác. Đặc biệt, các yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong cách mạng công nghiệp 4.0 như: trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối - Internet of Things (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data) sẽ đòi hỏi rất cao đối với trình độ, năng lực và khả năng đáp ứng của thanh niên.

Sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng quá trình phát triển kinh tế thị trường sẽ tạo ra những thách thức đối với thanh niên về trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ lẫn, tay nghề, bản lĩnh và tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm, lối sống của thanh niên.

Các thế lực thù địch luôn nhằm vào thanh niên, ra sức lôi kéo, làm biến chất thanh niên, kích động thanh niên tham gia các hoạt động gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị đất nước.

Trong điều kiện phát triển bùng nổ về thông tin, du lịch, mở rộng giao lưu quốc tế, thách thức đối với thanh niên là không được đánh mất, phai nhạt các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, truyền thống cách mạng, mà phải kế thừa, phát huy các truyền thống đó, giữ vững và phát huy bản sắc dân tộc trong giao lưu, hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Trong bối cảnh môi trường xã hội vẫn tồn tại những hiện tượng tiêu cực như: nạn tham nhũng, hối lộ, tệ quan liêu, lãng phí và các tệ nạn xã hội như ma tuý, mại dâm, các

hành vi phạm pháp... Là những thách thức không nhỏ đối với thanh niên.

5.2. Dự báo tình hình thanh niên Việt Nam thời gian tới

Những năm tới, dân số thanh niên tiếp tục có xu hướng giảm dần. Thanh niên ngày càng có điều kiện, cơ hội học tập, tiếp cận với khoa học công nghệ nên tỷ lệ thanh niên được đào tạo chuyên môn tăng. Số lượng thanh niên Việt Nam học tập, lao động ở nước ngoài tăng nhanh. Lao động trẻ trong khu vực công nghiệp và dịch vụ, làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng, trong nông nghiệp ngày càng giảm. Trong xã hội, đã và đang xuất hiện lớp thanh niên tiên tiến, đi đầu và thành công trong học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và hội nhập, có điều kiện tiếp cận với những cơ hội phát triển tốt hơn, tuy nhiên một bộ phận thanh niên yếu thế, thất nghiệp, lâm vào cảnh đói nghèo, thiếu cơ hội phát triển, đặt ra yêu cầu, thách thức quan trọng hàng đầu trong giải quyết nghề nghiệp, việc làm cho thanh niên. Tình hình vi phạm pháp luật, mắc tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên diễn biến phức tạp. Tầm vóc và thể trạng của thanh niên từng bước được cải thiện nhưng vẫn còn thua kém so với khu vực và thế giới. Kỹ năng nhiều mặt của thanh niên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập. Đời sống văn hóa tinh thần của phần lớn thanh niên, nhất là thanh niên công nhân, nông thôn, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn chưa được đáp ứng đầy đủ.

Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, đặt niềm tin sâu sắc, kỳ vọng to lớn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng và phát huy thế hệ trẻ. Đại bộ phận thanh niên ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với Tổ quốc và

nhân dân, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước, thể hiện rõ lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, lối sống vì cộng đồng. Tuy nhiên, một bộ phận thanh niên còn dao động, giảm sút niềm tin, phai nhạt lý tưởng, xa rời truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; sống thực dụng, lười học tập, lao động.

Bối cảnh đó, đòi hỏi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phải thường xuyên cổ vũ, động viên, khuyến khích và phát huy lớp thanh niên tiên tiến; tập trung chăm lo cho nhóm thanh niên yếu thế vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

5.3. Thanh niên phấn đấu trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới

5.3.1. Những phẩm chất cần có của thanh niên trong thời kỳ mới

Cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”, giai đoạn 2018 - 2022 xác định thanh niên Việt Nam thời kỳ mới hướng đến 12 tiêu chí, gồm:

1. Có lý tưởng cách mạng.
2. Bản lĩnh vững vàng.
3. Giàu lòng yêu nước.
4. Đạo đức trong sáng.
5. Lối sống văn hoá.
6. Tuân thủ pháp luật.
7. Tiên phong hành động.
8. Sáng tạo không ngừng.
9. Học tập liên tục.

10. Có sức khoẻ tốt.
11. Kỹ năng phù hợp.
12. Khát vọng vươn lên.

5.3.2. Những nhiệm vụ của thanh niên trong thời kỳ mới

Một là, thanh niên có nhiệm vụ ra sức học tập, đi đầu trong xã hội học tập.

- Tích cực học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng: học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tích cực học tập kiến thức, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn khoa học kỹ thuật và tay nghề: chủ động và tự giác học nghề. Tiếp cận và làm chủ kiến thức khoa học và công nghệ tiên tiến. Học quản lý, nắm vững khoa học và nghệ thuật quản lý.

- Tự giác tham gia học tập, đổi mới phương pháp học tập theo hướng tích cực, giúp đỡ nhau học tập, học thực chất, khắc phục tâm lý “chạy theo bằng cấp”.

- Chống các hiện tượng tiêu cực trong học đường: chạy điểm, coi cốp, gian lận.

Hai là, thanh niên có nhiệm vụ lao động tạo lập cuộc sống, tham gia phát triển kinh tế xã hội.

- Mỗi thanh niên cần chấp hành tốt Luật lao động. Có nhận thức đúng về lao động và nghĩa vụ tham gia phát triển kinh tế.

- Thực hiện tốt các phong trào, chương trình: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Thanh niên khởi nghiệp” do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát động.

- Đi đầu trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp cận nhanh chóng tri thức và công nghệ mới để đạt hiệu quả, năng suất lao động cao; tham gia đổi mới cơ chế và chính sách, phát triển nguồn nhân lực...

Ba là, thanh niên với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

- Thực hiện tốt phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát động.

- Thực hiện tốt Luật nghĩa vụ quân sự, tham gia dân quân tự vệ, có ý thức bảo vệ độc lập chủ quyền lãnh thổ đất nước.

- Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; đội dân quân, an ninh tự quản, các đội thanh niên tình nguyện giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông...

- Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tham gia làm tốt công tác tuyển quân, nhập ngũ, thực hiện tốt công tác “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”...

Bốn là, thanh niên tham gia xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nhận thức đúng về văn hóa và yêu cầu của việc xây dựng nền văn hóa trong thời kỳ đổi mới cần tôn trọng và

phát huy những giá trị văn hóa dân tộc, thực hiện tốt nguyên tắc “Hội nhập nhưng không hòa tan”.

- Tham gia xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: sống chan hòa, đoàn kết với mọi người trong tập thể, trong gia đình; tôn trọng và có ý thức giúp đỡ người khác, có trách nhiệm xây dựng bầu không khí tốt đẹp trong cộng đồng.

- Tham gia phát triển văn hóa cộng đồng, “Văn minh công sở”: tôn trọng các quy tắc ứng xử trong xã hội, trong thôn bản, trong cơ quan và với đồng nghiệp, với các thành viên trong gia đình.

- Đi đầu chống các tệ nạn xã hội: tham gia tuyên truyền phòng, chống các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, ma túy, mại dâm, bạo lực gia đình...

Năm là, thanh niên tham gia xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị.

- Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng: phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; tuyên truyền đường lối, nghị quyết của Đảng, ngăn ngừa các hiện tượng tuyên truyền xuyên tạc, chống phá Đảng; đóng góp ý kiến phê bình đảng viên và các tổ chức Đảng.

- Tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền: đi đầu thực hiện các chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương; xung kích vào những nơi khó khăn, gian khổ để cống hiến và trưởng thành, tình nguyện với cuộc sống cộng đồng vì sự bình đẳng xã hội.

- Tham gia xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: thực hiện tốt tinh thần đoàn kết toàn dân, tham gia vào các hoạt động vận động xã hội ủng hộ người nghèo, công tác nhân đạo, từ thiện...

Sáu là, thanh niên tham gia xây dựng nếp sống văn minh, đời sống cộng đồng tốt đẹp.

- Nắm vững và nghiêm chỉnh chấp hành Luật hôn nhân và gia đình: thực hiện tốt các điều khoản trong Luật hôn nhân và gia đình, không gây bạo lực trong gia đình, tôn trọng quyền bình đẳng giới và quyền bình đẳng của các thành viên trong gia đình, chống gia trưởng, trọng nam khinh nữ, tảo hôn, bắt vợ, ép gả chồng...

- Đi đầu trong cuộc vận động nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang: thực hiện tổ chức việc cưới, việc tang gọn nhẹ, tiết kiệm, chống các hiện tượng mê tín dị đoan, các hủ tục lạc hậu vi phạm pháp luật...

- Xây dựng cho mình nếp sống lành mạnh, giản dị, tiết kiệm, chung thực, thật thà, chân tình với mọi người, có tinh thần tương thân, tương ái đồng đội, đồng nghiệp.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, nhân đạo: vận động tài trợ xã hội, hiến máu nhân đạo, giúp đỡ người nghèo, người già cô đơn, gia đình chính sách...

Bảy là, thanh niên tham gia hội nhập quốc tế.

- Phải có bản lĩnh chính trị, tự hào dân tộc, tin tưởng vào đường lối của Đảng, lý tưởng xã hội chủ nghĩa...

- Tích cực học tập đi trước đón đầu các ngành khoa học kỹ thuật và công nghệ mũi nhọn, nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có sức khỏe thể chất và tinh thần tốt để hội nhập: rèn luyện sức khỏe, sống lành mạnh, tinh thần thoải mái không vụ lợi, bon chen, ích kỷ, hẹp hòi.

- Ý thức đầy đủ về hội nhập văn hóa: cảnh giác với các loại và các dòng văn hóa có tính chất độc hại; chống các luận điệu tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước ta.

- Có kiến thức, hiểu biết về những vấn đề chung của nhân loại: nắm vững ngoại ngữ, tin học, khoa học công nghệ, nhân văn, văn hóa, văn minh nhân loại để có bản lĩnh hội nhập vững hơn trong một thế giới đa dạng và luôn biến động.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quá trình hình thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh?

2. Trình bày quá trình phát triển của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh?

3. Trình bày những truyền thống vẻ vang của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh?

4. Trình bày khái niệm, các tính chất cơ bản của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh?

5. Trình bày các chức năng và nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh?

6. Trình bày các mối quan hệ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh?

7. Trình bày nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh?

8. Trình bày những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu xây dựng Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay?

9. Đoàn viên phấn đấu như thế nào để trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam?

10. Thanh niên có nhiệm vụ gì để phấn đấu trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2015), Chỉ thị “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030” (Chỉ thị số 42/TW ngày 24/3/2015).

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), Nghị quyết về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008).

3. Dương Tự Đàm (chủ biên), Lê Văn Cầu - Nguyễn Như Ý (2017): Từ điển Thanh niên Việt Nam (Giản yếu), Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

4. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII.

5. Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khóa XI.

6. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2018), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

7. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - 80 năm xây dựng, cống hiến và trưởng thành. Nhà xuất bản Thanh niên, H. 2011.

8. Lịch sử Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Phong trào thanh niên Việt Nam (1925-2012), Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2012.

9. Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khóa XI.

10. Tài liệu bồi dưỡng những vấn đề cơ bản về lý luận công tác Đoàn, Hội, Đội. Nhà xuất bản Thanh niên, H. 2018.

MỤC LỤC

Trang

BÀI 1

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 7

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU 9

1. Về kiến thức.....**Error! Bookmark not defined.**

2. Về kỹ năng.....**Error! Bookmark not defined.**

3. Về thái độ.....**Error! Bookmark not defined.**

B. NỘI DUNG CƠ BẢN..... 9

I. CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 10

II. ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM 39

BÀI 2

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NGƯỜI TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM 49

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU 50

1. Về kiến thức.....**Error! Bookmark not defined.**
2. Về kỹ năng..... 51
3. Về thái độ.....**Error! Bookmark not defined.**

B. NỘI DUNG CƠ BẢN..... 51

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI, CHẤM DỨT SỰ KHỦNG HOẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, MỞ RA SỰ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM..... 52

II. QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY..... 58

III. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHỦ YẾU CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM 74

BÀI 3

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY..... 86

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU 88

1. Về kiến thức.....**Error! Bookmark not defined.**
2. Về kỹ năng.....**Error! Bookmark not defined.**
3. Về thái độ.....**Error! Bookmark not defined.**

B. NỘI DUNG CƠ BẢN..... 89

I. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY..... 90

II. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - THÀNH TỐ HẠT NHÂN VÀ LÃNH ĐẠO CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM..... 90

III. ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TINH GỌN, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ..... 109

BÀI 4

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH..... 129

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU 131

1. Về kiến thức.....	Error! Bookmark not defined.
2. Về kỹ năng.....	Error! Bookmark not defined.
3. Về thái độ.....	Error! Bookmark not defined.
B. NỘI DUNG CƠ BẢN	131
I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH.....	132
II- KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH.....	147
III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	158
IV. ĐOÀN VIÊN PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	163
V. THANH NIÊN VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ MỚI.....	171

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. ĐT: (84.024). 39434044,
62631715. Website: nhaxuatbanthanhnien.vn.

Email: Nxb thanhnien1954@gmail.com

Chi nhánh: 145 Pasteur, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 39106962, 39106963.

CÁC BÀI HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ DÀNH CHO ĐOÀN VIÊN

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập: LÊ THANH HÀ

Biên tập: CHU QUANG KHÁNH

Bìa:

Sửa bản in thử:

ISBN: 978-604-9858-45-1

In và gia công 1.000c, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty CP in Sao Việt,
địa chỉ: 9/40 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội. Số xác nhận
ĐKXB: 3202-2019/CXBIPH/39-86/TN, theo QĐXB số TN/NXB TN.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019